CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

(Dự thảo)

THỂ LỆ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH

Để Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hoá sinh được tiến hành trong không khí trang trọng, hợp lệ và thành công tốt đẹp, đề nghị cổ đông tham dự thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nghĩa vụ của mình dưới đây:

1. Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hoá sinh theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 19/03/2018 được quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.

2. Cổ đông, đại diện cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông năm 2018 được quyền tham gia phát biểu ý kiến, biểu quyết và bầu cử tại Đại hội.

3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Đoàn Chủ tịch điều khiển Đại hội. Cổ đông tham gia Đại hội phải tuân thủ theo sự điều khiển của Đoàn Chủ tịch nhằm tạo điều kiện cho Đại hội diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng và hợp lệ.

4. Khi tiến hành đăng ký tham dự đại hội, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền Phiếu biểu quyết và Thẻ biểu quyết, trên đó ghi mã số đăng ký, tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

   4.1. Phiếu biểu quyết: Các cổ đông sử dụng Phiếu biểu quyết và biểu quyết bằng cách giơ Phiếu biểu quyết đối với các nội dung: Thông qua nhân sự Đoàn Chủ tịch, Thư ký đoàn, Ban thẩm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu; Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội; Chương trình làm việc của Đại hội; Biên bản và Nghị quyết Đại hội và một số nội dung thảo luận phát sinh ngay tại Đại hội cần thống nhất trước khi biểu quyết thông qua bằng Thẻ biểu quyết.

   4.2. Thẻ biểu quyết: Cổ đông biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết nêu trên). Thẻ biểu quyết không hợp lệ là Thẻ biểu quyết không do Công ty phát hành, có thay đổi nội dung khi không được Chủ tọa yêu cầu, không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông hoặc thể hiện từ 2 ý kiến trở lên.

   4.3. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm thống kê số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến (hoặc có ý kiến khác) của Đại hội đồng cổ đông đối với từng vấn đề biểu quyết để báo cáo Đoàn Chủ tịch. Chủ tọa sẽ công bố kết quả kiểm phiếu từng vấn đề sau khi tiến hành biểu quyết.

5. Cổ đông đến dự Đại hội cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết các nội dung tiếp theo tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
7. Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Thư ký đoàn ghi chép đầy đủ vào Biên bản Đại hội và thông qua Đại hội trước khi bế mạc.
8. Thể lệ làm việc và biểu quyết này được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông. Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ từ 51% trở lên của tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

NGUYỄN TẤN QUỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH

***Kính gửi:*Đại hội đồng cổ đông**

Năm 2017, Công ty triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên về phương án tái cơ cấu và thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty có nhiều thuận lợi cơ bản nhưng vẫn còn gặp không ít khó khăn có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển ổn định, tư tưởng, đời sống của cán bộ công nhân viên và người lao động trong Công ty như sau:

1. Về thuận Lợi:

1.1 Sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, định hướng đúng, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng Quản trị đã giúp cho Ban Tổng Giám đốc điều hành thuận lợi và đạt hiệu quả.

1.2 Thị trường tiêu thụ tiếp tục được củng cố và mở rộng thêm thị trường tiêu thụ các đại lý bán hàng tại các tỉnh, quan hệ giữa Công ty với khách hàng truyền thống ngày càng chặt chẽ.

1.3 Thương hiệu phân bón "***NPK Phân Bón Con Trâu***" vẫn đang được bà con nông dân, các đối tác, nhà phân phối trong và ngoài nước lựa chọn.

1.4 Chính sách bán hàng của Công ty tiếp tục được linh hoạt trong cơ chế thị trường, công tác chăm sóc khách hàng, hậu mãi được duy trì đáp ứng kịp thời yêu cầu ngày càng cao của nhà phân phối, người sử dụng.

1.5 Đội ngũ Cán bộ, Công nhân và người lao động trong Công ty luôn đoàn kết, có ý thức trách nhiệm cao trong công việc, gắn bó và tâm huyết dám nghĩ dám làm, sẵn sàng nhận và hoàn thành các nhiệm vụ được giao, đóng góp xây dựng từng bước đưa Công ty phát triển và tăng trưởng trở lại.

1.6 Công suất thiết kế tại hai nhà máy cùng với việc sắp xếp thời gian vận hành sản xuất phù hợp đảm bảo đủ sản phẩm để cung cấp cho khách hàng.

2. Khó khăn:

2.1 Các quy định của pháp luật về quản lý sản xuất kinh doanh phân bón tuy đã có tác động tích cực nhưng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở, doanh nghiệp phân bón nhỏ lẻ trên thực tế vẫn chưa được kiểm soát chặt chẽ, các sản phẩm phân bón kém chất lượng, hàng nhái, hàng giả vẫn xuất hiện trên thị trường. Chính điều đó đã làm thị trường phân bón ngày càng phức tạp, ảnh hưởng rất lớn đến những nhà sản xuất kinh doanh phân bón chân chính.

2.2 Nguồn cung các loại phân đơn trên thị trường dồi dào, trong năm 2017 giá cả nguyên liệu sản xuất phân NPK liên tục tăng mạnh, giá cả một số sản phẩm nông nghiệp sụt giảm nên bà con nông dân đã giảm mức đầu tư phân bón NPK. Điều này gia tăng áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường phân bón, đòi hỏi các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón NPK phải nỗ lực và đổi mới nhiều hơn.

2.3 Thực hiện quyết định thu hồi đất của Ủy Ban Nhân Dân TP Hồ Chí Minh, Trung Tâm phát triển quỹ đất Thành phố cùng các cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân Huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân xã Phạm Văn Cội liên tục yêu cầu Công ty dừng sản xuất và phải tổ chức di dời đã tạo nên sự thiếu hụt sản phẩm cung cấp ra thị trường, làm cho sản lượng tiêu thụ năm 2017 sụt giảm đáng kể.

2.4 Về vốn: Hiện nay, Công ty vẫn chưa vay được vốn ngân hàng, nợ xấu tồn đọng các năm trước cao. Trong hoạt động kinh doanh, Công ty vừa bán hàng vừa thu nợ cũ. Tập trung thanh toán nợ ngân hàng đã quá hạn, một phần dùng để trả tiền mua nguyên liệu duy trì hoạt động sản xuất.

2.5 Thời tiết không thuận lợi, mưa bão, lũ lut, hạn hán, xâm nhập mặn ở nhiều nơi ảnh hưởng rất lớn đến diện tích gieo trồng cũng như việc đầu tư phân bón, chăm sóc cây trồng.

3. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2017	Tỷ lệ thực hiện
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	25,711	35,000	73.46%
Doanh thu (tỷ đồng)	169.174	330.000	51.26%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	9.902	05	198.04%

Cụ thể như sau:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.1	169,256,504,650	238,276,766,089
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	81,727,500	496,382,761
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		169,174,777,150	237,780,383,328
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	149,600,842,175	218,886,992,993
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		19,573,934,975	18,893,390,335
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	5,828,043,200	668,299,431

Chi phí tài chính	22	VI.5	2,874,122,013	3,114,614,532
- Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		220,303,117	1,721,545,635
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	VI.8	3,037,103,979	3,408,691,727
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	9,441,105,142	10,199,551,940
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	**30**		10,049,647,041	2,838,731,567
Thu nhập khác	31	VI.6	10,049,647,041	546,596,105
Chi phí khác	32	VI.7	149,387,095	720,041,241
Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		(147,335,639)	(173,345,136)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		9,902,311,402	2,665,386,431
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10		4,393,365
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	**60**		9,902,311,402	2,660,993,066
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	**61**		10,161,060,865	2,812,340,336
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(258,749,463)	(151,347,270)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1,028	284
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	1,028	284

4. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

Mặc dù sản lượng tiêu thụ sản phẩm của Công ty không đạt so với kế hoạch của Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2017 cũng như nghị quyết của Hội đồng Quản trị đề ra, nhưng Ban Tổng Giám Đốc đã chỉ đạo thực hiện tiết kiệm triệt để các chi phí nên năm 2017 Công ty kinh doanh đã có lãi so với các năm trước, hoàn thành vượt mức kế hoạch về lợi nhuận. Tuy nhiên, tình hình tài chính của Công ty còn gặp nhiều khó khăn nên Ban Tổng giám đốc trình đại hội không tiến hành phân phối lợi nhuận.

Thay mặt Ban Tổng Giám Đốc, tôi xin đánh giá sơ bộ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 như sau:

4.1 Ngoài những thuận lợi và khó khăn nêu trên, trong năm 2017 tập thể Ban Tổng Giám đốc luôn chỉ đạo điều hành bám sát Nghị quyết của Đại hội Đồng Cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, đặc biệt là sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, lãnh đạo, điều hành Công ty trong các hoạt động nghiêm chỉnh chấp hành đúng chủ trương chính sách pháp luật Nhà nước.

4.2 Tình hình thị trường tiêu thụ phân bón của Công ty trong năm 2017 gặp rất nhiều khó khăn. Công ty vừa tập trung giải quyết vấn đề thu hồi đất của UBND thành phố Hồ Chí Minh, chuẩn bị phương án di dời để ổn định sản xuất, vừa giữ vững thị trường hiện có, vừa nỗ lực xây dựng lại thị trường đã mất.

4.3 Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa thường xuyên máy móc thiết bị có giá trị lớn đã gia tăng chi phí phân bổ vào sản phẩm làm cho giá thành sản phẩm cao, trực tiếp ảnh

hưởng đến lợi ích của các nhà phân phối nên việc mở rộng thị trường tiêu thụ gặp không ít khó khăn.

4.4 Nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 gặp rất nhiều khó khăn, không tiếp cận được vốn vay ngân hàng để bổ sung vốn lưu động, nợ phải thu và nợ xấu còn tồn đọng từ các năm trước lớn, nguồn thu một phần phải trả nợ gốc cho ngân hàng từ đó nguồn vốn hoạt động không đảm bảo, không chủ động nguyên liệu dự trữ khi giá tăng cao lúc vào vụ sản xuất.

Tuy nhiên, trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc Công ty cùng toàn thể cán bộ, Công nhân và người lao động đã cố gắng sắp xếp bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn nhất, tiết kiệm tối đa các chi phí, tuyển chọn cán bộ kinh doanh có năng lực tập trung vào việc củng cố, mở thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước. Về chủ quan, chúng tôi nhận thấy khả năng phát triển lại thị trường, tăng sản lượng tiêu thụ vào các năm tới là rất khả thi. Tuy nhiên, cũng có các yếu tố khách quan tác động đến ngành sản xuất phân bón nói chung và của Công ty nói riêng như: Chính sách, yếu tố thời tiết, giá cả sản phẩm nông nghiệp, mức độ đầu tư của nông dân vào sản xuất nông nghiệp, …. sẽ có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2017, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, bám sát định hướng phát triển của Hội đồng quản trị, xây dựng các giải pháp, phương thức phù hợp với điều kiện cụ thể của Công ty và của thị trường trong từng giai đoạn nhằm đưa sản phẩm phân bón NPK Con Trâu ra thị trường, dần lấy lại thị phần và tạo dựng thương hiệu, hình ảnh trong lòng người nông dân. Về cơ bản luôn có đủ các sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, nghiên cứu và phát triển những sản phẩm mới, giúp nông dân tiết kiệm chi phí đầu tư phân bón, nâng cao năng suất cây trồng trong tình hình giá nông sản thấp.

Năm 2018, dự báo tình hình kinh tế thế giới và khu vực vẫn còn tiềm ẩn những diễn biến phức tạp khó lường. Trong nước bên cạnh những thuận lợi cơ bản, song còn nhiều khó khăn thách thức: Tình trạng biến đổi khí hậu, thiên tai, việc sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp, giá cả các loại nông sản có chiều hướng đi xuống sẽ làm giảm mức đầu tư phân bón của bà con nông dân. Mức độ cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón ngày càng khốc liệt, tình hình phân bón kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái vẫn còn tồn tại trên thị trường sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón chân chính trong đó có Công ty.

Do đó, trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị; theo dõi sát diễn biến của thị trường để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nhằm thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như phương hướng, nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị đề ra.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.

Xin báo cáo trước Đại Hội Đồng Cổ Đông!

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

NGUYỄN TẤN CUỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh;
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 của Công ty.

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông một số nội dung sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017:

Thành phần Ban kiểm soát gồm các thành viên:

- Bà Trương Thị Thu Hà — Trưởng ban
- Bà Võ Thị Hợi — Thành viên
- Ông Huỳnh Thanh Điền — Thành viên

Trong năm 2017, Ban kiểm soát (BKS) đã thực hiện công việc của mình theo đúng trách nhiệm và quyền hạn được qui định trong Điều lệ của Công ty. Các thành viên BKS đã tập trung thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các lĩnh vực trọng yếu sau:

- Phân công từng thành viên BKS tham gia kiểm soát toàn diện các mặt hoạt động của Công ty.
- Tham gia vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty. Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý và điều hành, kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong quá trình quản lý điều hành mọi hoạt động của Công ty bảo đảm luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh.
- Kiểm tra tính chính xác, trung thực trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty
- Phối hợp cùng Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Xem xét tính minh bạch trong quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền và lợi ích của nhà đầu tư, giám sát các đơn vị trong việc thực thi những kiến nghị do cơ quan kiểm toán nêu ra.

II. Kết quả kiểm tra, giám sát năm 2017:

1. Công tác quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty:

- Trình tự, thủ tục của các phiên họp HĐQT phù hợp với các qui định của Pháp luật hiện hành và của Điều lệ Công ty. Nghị quyết của HĐQT được thông qua với sự đồng thuận và nhất trí cao của từng thành viên, được Ban Tổng giám đốc tiến khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.
- HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty đang kiện toàn bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn nhưng vẫn bảo đảm được tính hiệu quả, hoàn thiện qui chế quản lý nội bộ nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu về quản trị doanh nhiệp.
- HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty đã thực hiển quyền và trách nhiệm của mình theo đúng qui định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Tích cực, chủ động, sáng tạo trong việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã đề ra, bảo đảm việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, bảo vệ lợi ích hợp pháp của người lao động và của cổ đông.

2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Trong năm 2017, hoạt động của Công ty Cổ Phần Vật tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh chịu sự tác động không nhỏ đến từ khó khăn chung của nền kinh tế trong nước và thế giới, đồng thời đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của thị trường. Ủy Ban Nhân Dân TP Hồ Chí Minh, Trung Tâm phát triển quỹ đất Thành phố cùng các cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân Huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân xã Phạm Văn Cội liên tục yêu cầu Công ty dừng sản xuất và phải tổ chức di dời đã tạo nên sự thiếu hụt sản phẩm cung cấp ra thị trường, làm cho sản lượng tiêu thụ năm 2017 sụt giảm đáng kể, ảnh hưởng khá lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với sự cố gắng hết mình của tập thể các bộ công nhân viên cùng với sự chỉ đạo sáng suốt, kịp thời của HĐQT cùng Ban Tổng giám đốc, Công ty đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	169.17
2	Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	149.60
3	Tổng các chi phí	Tỷ đồng	9.52
4	Lợi nhuận thuần từ các hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	10.05
5	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0.15
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tỷ đồng	9.90
7	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	9.90
8	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	Tỷ đồng	10.16

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	1,028

3. Tình hình tài chính Công ty tại ngày 31.12.2017:

Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán đúng quy định hiện hành và được đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) chấp nhận. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ (Tỷ đồng)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (A+B)	**328.80**
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**215.06**
- Tiền và các khoản tương đương tiền	12.49
- Các khoản phải thu ngắn hạn	138.67
- Hàng tồn kho	61.57
- Tài sản ngắn hạn khác	2.33
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**113.74**
- Các khoản phải thu dài hạn	0.13
- Tài sản cố định	101.90
- Bất động sản đầu tư	4.28
- Tài sản dở dang dài hạn	4.52
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.78
- Tài sản dài hạn khác	0.13
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (C+D+E)	**328.80**
C. NỢ PHẢI TRẢ	**327.18**
- Nợ ngắn hạn	119.92
- Nợ dài hạn	207.26
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**1.62**
- Vốn điều lệ	100.00
- Thặng dư vốn cổ phần	8.95
- Cổ phiếu quỹ	(1.39)
- Các quỹ	24.63

CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ (Tỷ đồng)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(131.82)
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1.25

4. Kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của cổ đông Công ty:

Trong năm qua, BKS Công ty không nhận được bất kỳ đề nghị nào từ Quí cổ đông yêu cầu BKS kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, điều hành Công ty.

5. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty; Tình hình Công bố thông tin:

- Ban kiểm soát thường xuyên tham gia vào các cuộc họp của HĐQT, Xem xét việc triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐQT một cách nghiêm túc, kịp thời.
- Nhận tài liệu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ Ban Tổng giám đốc cũng như các phòng ban một cách kịp thời, nhanh chóng. Tham gia vào các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc.
- Tình hình công bố thông tin của Công ty được thực hiện đúng theo qui định. Các thông tin, báo cáo được công bố kịp thời giúp cho cổ đông và các nhà đầu tư có được những thông tin nhanh và chính xác.

6. Thù lao của các thành viên BKS năm 2017:

Trong năm 2017, thù lao của các thành viên BKS được nhận theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, cụ thể như sau:

- Trưởng BKS: 2,000,000 đồng / tháng x 12 tháng = 24,000,000 đồng
- Thành viên BKS: 1,000,000 đồng / tháng x 12 tháng x 2 người = 24,000,000 đồng

Tổng mức thù lao của BKS năm 2017 là: 48.000.000 đồng.

III. <u>Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 và kiến nghị:</u>

Năm 2018, Ban kiểm soát sẽ phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc để thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định. Kiểm tra giám sát các hoạt động của Công ty trong việc chấp hành Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy chế của Công ty.

<u>Kiến nghị</u>: HĐQT, Ban Tổng giám đốc cần tìm kiếm nhiều giải pháp nhằm tăng số vòng quay vốn; tăng cường công tác quản lý công nợ, giảm thiểu nợ phải thu, không để phát sinh thêm nợ xấu và hoàn thiện hồ sơ xử lý nợ khó đòi; tiếp tục củng cố hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty TNHH nhà máy NPK Phú Yên có hiệu quả hơn, xem xét giải thể Công ty cổ phần Phân Bón Anh Việt vì hoạt động kém hiệu quả.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

TRƯƠNG THỊ THU HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị Công ty, tôi xin báo cáo trước đại hội đồng cổ đông về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017, phương hướng nhiệm vụ năm 2018.

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017:

1. Nhân sự Hội đồng Quản trị:

Gồm các thành viên sau:

- Ông ***Nguyễn Tấn Quốc*** Chủ tịch HĐQT
- Ông ***Huỳnh Nghĩa*** Thành viên HĐQT
- Bà***Nguyễn Anh Phượng*** Thành viên HĐQT
- Ông ***Nguyễn Thanh Tùng*** Thành viên HĐQT
- Ông ***Huỳnh Lam Phương*** Thành viên HĐQT

2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2017:

- Các thành viên HĐQT Công ty gồm Chủ Tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc, 04 thành viên bên ngoài không kiêm nhiệm chức vụ trong Công ty thực hiện công tác quản lý, giám sát thông qua các chế độ kiểm tra, báo cáo, các buổi họp và làm việc trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc, cũng như tại các phiên họp HĐQT.
- Các phiên họp thường kỳ của HĐQT được tiến hành theo đúng quy định của Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT. Các thành viên HĐQT luôn chấp hành quy định của pháp luật, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tham dự và chỉ đạo các cuộc họp quan trọng của Ban Tổng Giám đốc về việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng Quản trị, xây dựng các đề án và dự án kinh doanh.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Tổng Giám đốc gửi Hội đồng Quản trị.
- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo, điều hành, giải quyết những vấn đề phát sinh quan trọng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Năm 2017, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, HĐQT đã có quy chế, quy định kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí hoạt động, cũng như việc quản lý tài chính từ đó hạn chế và cắt giảm những chi phi chưa hợp lý cho Công ty.

- Kịp thời chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc đưa ra các cơ chế chính sách kinh doanh hợp lý, tập trung củng cố thị trường, sửa đổi các chính sách về bán hàng, lao động tiền lương, tổ chức bộ máy, đầu tư tài chính.
- Trong năm 2017, tổng mức thù lao đã chi theo Nghị quyết của Đại Hội đồngcổ đông thường niên năm 2017 cho HĐQT là:132.000.000 đồng.

⇨ **Đánh giá chung:** HĐQT đã luôn hướng tới các chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. Hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Chấp hành đúng pháp luật Nhà nước; Bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Chỉ đạo và tạo điều kiện để Ban Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT nhanh chóng kịp thời, đưa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, thích ứng với yêu cầu thị trường.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2018:

Năm 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ có những thuận lợi, khó khăn như sau:

1. Thuận Lợi:

- HĐQT luôn luôn giám sát công tác điều hành của Tổng giám đốc, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình cụ thể của Công ty. Các thành viên hội đồng quản trị hiểu biết rất rõ về thị trường phân bón trong nước và thế giới.
- Thương hiệu phân bón "***NPK Phân Bón Con Trâu***" vẫn đang được bà con nông dân, các đối tác, nhà phân phối trong và ngoài nước lựa chọn.
- Công ty luôn đặt chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, coi đó là sự sống còn của Công ty. Chất lượng sản phẩm luôn ổn định và thường xuyên được cải tiến, nâng cao. Bảo đảm uy tín thương hiệu NPK CON TRÂU trên thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Chính sách bán hàng của Công ty linh hoạt theo cơ chế thị trường, chăm sóc khách hàng, hậu mãi đáp ứng kịp thời yêu cầu của nhà phân phối và bà con nông dân sử dụng phân bón NPK CON TRÂU.
- Đội ngũ Cán bộ, Công nhân và người lao động trong Công ty có trình độ, kinh nghiệm, tâm huyết sẵn sàng nhận và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Công suất thiết kế tại hai nhà máy cùng với việc sắp xếp thời gian vận hành sản xuất phù hợp do đó luôn có đủ sản phẩm để cung cấp cho khách hàng.

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty dự báo còn gặp nhiều khó khăn thách thức.

2. Khó khăn:

- Thực hiện quyết định thu hồi đất của Ủy Ban Nhân Dân TP Hồ Chí Minh, Trung Tâm phát triển quỹ đất Thành phố cùng các cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân Huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân xã Phạm Văn Cội liên tục yêu cầu Công ty dừng sản xuất và phải tổ chức di dời đã tạo nên sự thiếu hụt sản phẩm cung cấp ra thị trường, làm cho sản lượng tiêu thụ năm 2017 sụt giảm đáng kể. Dự báo trong năm 2018 tiếp tục gặp nhiều khó khăn.

- Tình hình cạnh tranh khốc liệt giữa các đơn vị sản xuất kinh doanh phân bón trong và ngoài nước.
- Tình hình tài chính của Công ty vẫn đang gặp nhiều khó khăn do lỗ luỹ kế từ những năm trước. Nợ xấu khách hàng cao, khả năng thanh toán nợ vay ngân hàng chậm nên không tiếp cận được nguồn vốn vay để ổn định sản xuất kinh doanh.

3. Từ những thuận lợi và khó khăn nêu trên, HĐQTCông ty đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ năm 2018 như sau:

a) Phương hướng nhiệm vụ:

- Tiếp tục nghiên cứu định hướng tái cấu trúc Công ty cho phù hợp với tình hình thực tại.
- Tăng cường công tác quản lý, điều hành, giám sát chặt chẽ các hoạt động của Công ty trên mọi lĩnh vực, đảm bảo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua.
- Nắm bắt và theo dõi sát diễn biến của thị trường để có những giải pháp linh hoạt, ứng phó kịp thời với những biến động xảy ra, đưa ra những định hướng phát triển đúng đắn, đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.
- Giám sát chặt chẽ tình hình tài chính trong Công ty, vốn đầu tư ra ngoài Công ty đảm bảo sử dụng có hiệu quả, an toàn.
- Kiện toàn bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tuyển chọn, đào tạo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của Công ty. Hoàn thiện cơ chế chính sách tiền lương để người lao động được trả lương tương ứng với công việc và trình độ, đảm bảo thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề cao. Hoàn thiện quy chế, qui định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tập trung thu hồi công nợ, giải quyết nợ khó đòi từ nhiều năm trước, thanh toán giảm dần dư nợ Ngân hàng, thanh lý bớt một số tài sản cố định không cần dùng hoặc dùng không hiệu quả để trả nợ vay ngân hàng.
- Xem xét giải thể Công ty cổ phần phân bón Anh Việt do hoạt động của Công ty này kém hiệu quả. Nghiên cứu đề án chuyển đổi Công Ty TNHH Nhà Máy Phân Bón NPK Phú Yên thành chi nhánh (hoặc nhà máy sản xuất) của Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh nhằm quản lý và điều hành hoạt động của Công ty được thuận lợi và hiệu quả hơn.
- Chuẩn bị phương án di dời nhà máy theo quyết định của UBND TP HCM. Từng bước ổn định sản xuất kinh doanh làm tiền đề cho những năm tiếp theo.

b) Chỉ tiêu cụ thể năm 2018:

- Sản lượng tiêu thụ: 27.000 Tấn
- Doanh thu: 250 tỷ đồng
- Lợi nhuận: 05 tỷ đồng

- Cổ tức:
- Thu nhập bình quân của người lao động: 5.500.000 đồng

4. Nhiệm vụ và giải pháp:

a) Công tác kinh doanh - xuất nhập khẩu:

- Nắm bắt và theo sát diễn biến thị trường trong và ngoài nước, từ đó đưa ra những giải pháp linh hoạt, kịp thời đáp ứng yêu cầu của thị trường.
- Giữ vững thị trường hiện có, đặc biệt là thị trường truyền thống, đồng thời củng cố thêm thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.
- Đề xuất phát triển các sản phẩm mới phục vụ cho ngành nông nghiệp có giá trị cao. Đặc biệt, luôn quan tâm đến chất lượng mẫu mã sản phẩm NPK một màu, qua đó khẳng định hình ảnh và thương hiệu **"NPK Phân Bón Con Trâu"** của Công ty trên thị trường.
- Thường xuyên tham gia các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước để quảng bá sản phẩm; quan tâm đến công tác chăm sóc khách hàng, giải quyết hài hòa lợi ích giữa Công ty, nhà phân phối và bà con nông dân.
- Xây dựng đội ngũ nghiên cứu thị trường, cán bộ makerting có trình độ, năng lực, kinh nghiệm và tâm huyết trong công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm nhằm củng cố và mở rộng thị trường tiêu thụ.
- Tổ chức tốt công tác xuất nhập khẩu.

b) Công tác tài chính:

- Bảo đảm đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Quản lý và sử dụng đồng vốn có hiệu quả, kiểm soát chặt chẽ việc thu chi, rà soát cắt giảm các khoản chi phí chưa cần thiết, kiểm soát tình hình công nợ không để phát sinh thêm nợ xấu, đôn đốc thu hồi các khoản nợ kéo dài khó đòi. Lành mạnh hóa tình hình tài chính Công ty.
- Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý tình hình sử dụng vốn đầu tư ra bên ngoài Công ty nhằm mang lại hiệu quả cao. Xem xét, lựa chọn các dự án đầu tư mới có tính khả thi cao.
- Hoàn thành tốt các nghĩa vụ về tài chính.

c) Công tác cung ứng vật tư, nguyên liệu:

- Lựa chọn nhà cung cấp uy tín, kiểm soát giá cả đầu vào của vật tư, nguyên nhiên vật liệu, giảm nhu cầu tài chính thông qua việc mua trả chậm.
- Có kế hoạch dự trữ nguyên liệu hợp lý, đảm bảo nguyên liệu cho sản xuất; giảm chi phí tài chính do việc tồn trữ nguyên liệu không phù hợp.
- Kiểm tra, kiểm soát tình hình sử dụng vật tư nguyên nhiên vật liệu trong quá trình sản xuất.

d) Công tác kế hoạch, kỹ thuật và điều hành sản xuất:

- Tập trung nghiên cứu cải tiến và phát triển sản phẩm mới, đa dạng hóa sản phẩm để phù hợp với nhu cầu thị trường.
- Liên tục cải tiến công nghệ, tăng cường bảo trì thiết bị chống xuống cấp, quản lý sử dụng vật tư, nguyên nhiên vật liệu chặt chẽ nhằm giảm thiểu chi phí sản xuất, giảm giá thành, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.
- Tăng cường công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.
- Nâng cao ý thức của người lao động đối với sản phẩm sản xuất ra, rà soát quy trình sản xuất, duy trì hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001– 2008, đến giữa năm 2018 sẽ chuyển đổi sang phiên bản ISO 9001 – 2015) hạn chế tối đa sản phẩm lỗi, kiểm tra nghiêm ngặt chất lượng nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra, tuyệt đối không đưa những sản phẩm không đạt tiêu chuẩn về chất lượng và hình thức mẫu mã ra thị trường.

e) Công tác hành chính - tổ chức:

- Nghiên cứu đề xuất kiện toàn bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- Chú trọng tuyển chọn và đào tạo nguồn nhân lựcđáp ứng yêu cầu của Công ty trong giai đoạn mới, hoàn thiện các quy chế, quy định, nội quy Công ty phù hợp, phục vụ cho công tác quản lý và điều hành.
- Thực hiện đầy đủ các quy định về chế độ bảo hiểm xã hội, khen thưởng, kỷ luật. Cải tiến chế độ tiền lương theo hướng tương xứng với trình độ, công sức cũng như sự đóng góp của người lao động cho sự phát triển Công ty nhằm thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề cao.
- Quản lý và sử dụng hiệu quả các trang thiết bị văn phòng, xe máy phục vụ công tác.
- Đẩy mạnh các phong trào thi đua, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng cường thực hành tiết kiệm chống lãng phí, kiểm tra chặt chẽ công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Trên đây là nội dung báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017, phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ năm 2018 trước Đại hội Đồng Cổ đông.

Trân trọng kính chào!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN ĐẠM HÓA SINH

NGUYỄN TẤN QUỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
V/v: THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 04/04/2017;
- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh báo cáo Đại hội đồng cổ đông mức thù lao đối với các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh trong năm 2017 và thông qua mức thù lao, khen thưởng năm 2018 như sau:

I. Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2017:

❖ Căn cứ Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016, Công ty thực hiện vượt kế hoạch lợi nhuận 2,66 tỷ đồng nên thành viên HĐQT và BKS được khen thưởng về những thành tích và đóng góp của mình cho sự phát triển của Công ty. Mức khen thưởng là 10% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch tương đương 266 triệu đồng.

❖ Căn cứ Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, mức thù lao của HĐQT và BKS đã chi trong năm 2017 chi tiết như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đ/người/tháng x 12tháng x 1người = 36.000.000 đồng
- Thành viên HĐQT: 2.000.000 đ/người/tháng x 12tháng x 4người = 96.000.000 đồng
- Trưởng BKS: 2.000.000 đ/người/tháng x 12tháng x 1người = 24.000.000 đồng
- Thành viên BKS: 1.000.000 đ/người/tháng x 12tháng x 2người = 24.000.000 đồng

Tổng cộng: **180.000.000 đồng** *(Một trăm tám mươi triệu đồng)*

II. Tổng mức thù lao và khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2018:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua mức chi phí thù lao năm 2018 đối với HĐQT, BKS. Cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên HĐQT : 2.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng BKS: 2.000.000 đồng/người/tháng

- Thành viên BKS: 1.000.000 đồng/người/tháng

Trường hợp Công ty thực hiện vượt kế hoạch lợi nhuận, thành viên HĐQT và BKS được khen thưởng về những thành tích và đóng góp của mình cho sự phát triển của Công ty. Mức khen thưởng là **10% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch**, mức chi tiết cho từng thành viên sẽ do Chủ tịch HĐQT quyết định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN ĐẠM HÓA SINH

NGUYỄN TẤN QUỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
V/V: LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hoá Sinh;
- Quy chế Quản trị Công ty.

Căn cứ theo điểm d, khoản 2, Điều 14, Điều lệ của Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua về việc "**Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2018 để kiểm toán cho Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh năm tài chính 2018**".

Hội đồng quản trị sẽ căn cứ vào các tiêu chí chất lượng, uy tín, giá chào cạnh tranh và sự hỗ trợ từ đơn vị kiểm toán đối với Công ty để lựa chọn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

TRƯƠNG THỊ THU HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
V/v: CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM NHIỆM CHỨC VỤ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ tình hình cụ thể của Công Ty.

Hội đồng quản trị Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc: **"Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành"** Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh cho năm tài chính 2018.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

NGUYỄN TẤN QUỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

V/v: THAY ĐỔI TÊN CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ tình hình thực tế của Công ty,

Nhằm tạo thuận lợi cho quá trình kết nối với các đối tác, khách hàng khi giao dịch và kinh doanh theo định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn mới, thuận lợi hơn trong quá trình tìm kiếm cơ hội đầu tư, mở rộng thị trường theo định hướng phát triển bền vững trong thời gian tới.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh đã trình Đại hội đồng cổ đông năm 2016 xem xét thông qua việc thay đổi tên Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh, nhưng do thời điểm năm 2016, Công ty còn nhiều tồn đọng về bao bì, hàng hóa chưa giải quyết hết nên Công ty chưa thực hiện được. Nay, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét thông qua việc thay đổi tên Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh.

Đổi tên Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh thành tên mới như sau:

- Tên Công ty bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi: Công Ty Cổ Phần Phân Bón Hóa Sinh.
- Tên Công ty bằng tiếng Anh dự kiến thay đổi: Hoa Sinh Fertilizer Joint Stock Company.
- Tên Công ty viết tắt dự kiến thay đổi: HSJSC.

Về thời điểm quyết định thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi tên Công ty: Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông chấp thuận giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành Quyết định thay đổi vào thời điểm phù hợp nhưng không muộn hơn 12 tháng, kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết này.

Đại hội đồng cổ đông đồng ý sửa đổi điều lệ Công ty và giao cho người đại diện pháp luật tiến hành sửa đổi và cập nhật điều lệ Công ty để ghi nhận việc thay đổi tên Công ty. Sau khi đổi tên, Công ty sẽ hoạt động với tên mới là: Công Ty Cổ phần Phân Bón Hóa Sinh

Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và phê duyệt.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

NGUYỄN TẤN CUỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;*
- *Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;*
- *Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;*
- *Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017;*
- *Điều lệ Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 02/04/2016,*

Nhằm xây dựng Điều lệ công ty ngày càng hoàn chỉnh, phù hợp với các quy định pháp luật, tình hình hoạt động tại Công ty và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty đã được căn cứ tình hình thực tế, Điều lệ hiện hành và tham chiếu theo Điều lệ mẫu mới được ban hành kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính.

(Đính kèm bảng tổng hợp sửa đổi, bổ sung và dự thảo toàn văn Điều lệ.)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN TẤN QUỐC

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ cty;*
- *Lưu: TK HĐQT; ThH03.*

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
V/V THÔNG QUA QUI CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;*
- *Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;*
- *Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;*
- *Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017,*

Ngày 22/09/2017, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017, trong đó công ty đại chúng phải tham chiếu mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Quy chế quản trị) tại Phụ lục số 02 Thông tư số 95/2017/TT-BTC để xây dựng Quy chế quản trị, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Thông tư số 95/2017/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 06/11/2017.

Công ty Cổ Phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh là công ty đại chúng đã đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, để tuân thủ các quy định trên, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua toàn văn dự thảo Quy chế quản trị đã điều chỉnh, bổ sung *(Đính kèm bảng tổng hợp sửa đổi, bổ sung).*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ cty;*
- *Lưu: TK HĐQT; ThH03.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

NGUYỄN TẤN QUỐC

AASCs

Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (028) 3820 5942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11 - 11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh được chuyển đổi từ Xí nghiệp Phân bón Hóa Sinh thuộc DNNN Công ty Thanh Bình (Pacifico) theo Quyết định số 491/QĐ-BQP ngày 24/03/2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003733 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/08/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13/12/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh	:	100.000.000.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2017	:	100.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Ấp 5, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất, mua bán phân bón. Mua bán nguyên liệu sản xuất phân bón, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành nông nghiệp. Gia công chế biến, nuôi trồng thủy hải sản. Mua bán vật liệu xây dựng, nông-thủy-hải sản, lương thực thực phẩm, hàng trang trí nội thất, sản phẩm giày da, hàng may mặc. Khai thác khoáng sản. Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng. Sản xuất, gia công khung nhà thép, sản phẩm bằng kim loại. Mua bán vật liệu, vật tư ngành bao bì. Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật. Mua bán thuốc bảo vệ thực vật.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	*KCN Đông Bắc Sông Cầu, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên*	*100%*	*100%*	*100%*	*100%*
Công ty CP Phân bón Anh Việt	*Ấp 5, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, TP. HCM*	*56,35%*	*56,35%*	*56,35%*	*56,35%*
Công ty liên kết:					
Công ty CP Du Lịch và Khách Sạn Kiến Tường	*Số 72 Trần Hưng Đạo, phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An*	*39%*	*39%*	*39%*	*39%*

Cơ sở đồng kiểm soát:

Không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Không có

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2017 lãi 9.902.311.402 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2016 lợi nhuận sau thuế lãi 2.660.993.066 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2017 âm 131.817.970.463 VND (Tại thời điểm 31/12/2016 lợi nhuận chưa phân phối âm 141.736.849.316 VND).

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng Quản trị

Ông	NGUYỄN TẤN QUỐC	Chủ tịch
Ông	HUỲNH NGHĨA	Thành viên
Ông	HUỲNH LAM PHƯƠNG	Thành viên
Ông	NGUYỄN THANH TÙNG	Thành viên
Bà	NGUYỄN ANH PHƯỢNG	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông	NGUYỄN TẤN QUỐC	Tổng Giám đốc	
Ông	VŨ XUÂN NGỌC	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/02/2017)

Ban Kiểm soát

Bà	TRƯƠNG THỊ THU HÀ	Trưởng ban
Ông	HUỲNH THANH ĐIỀN	Thành viên
Bà	VÕ THỊ HỢI	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà TRẦN THỊ HUYỀN

Đại diện pháp luật

Ông NGUYỄN TẤN QUỐC

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2017, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

TM. Hội đồng Quản trị

NGUYỄN TẤN QUỐC
Chủ tịch HĐQT
Kiêm Tổng Giám đốc

Số: 178... /BCKT-TC/2018/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh, được lập ngày 03/02/2018, từ trang 07 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Trong năm tài chính 2017 Công ty chưa xác định các khoản chi phí lãi vay với số tiền ước tính là 17.652.278.000 đồng. Như vậy, nếu tính đủ khoản chi phí lãi vay thì chỉ tiêu Chi phí tài chính của Công ty sẽ tăng thêm số tiền là 17.652.278.000 đồng và chỉ tiêu Lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi tương ứng là 17.652.278.000 đồng.

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty con "Công ty CP Phân bón Anh Việt" chưa được kiểm toán. Trong đó, giá trị tổng tài sản của Công ty con này chiếm tỷ trọng là 1,6% so với tổng tài sản của toàn Công ty (xem Thuyết minh VIII.4).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp và Phân bón Hoá Sinh tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh VIII.3 "Hoạt động liên tục" trong báo cáo tài chính về số lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2017 là 131.817.970.463 đồng, đã vượt số vốn điều lệ của Công ty, chỉ còn nhỏ hơn vốn chủ sở hữu là 1.614.953.267 đồng. Những điều kiện này, cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh VIII.3, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Kiểm toán viên

VÕ THỊ MỸ HƯƠNG
Số GCNĐKHN Kiểm toán: 0858-2018-142-1

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Tổng Giám đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM

PHÙNG NGỌC TOÀN
Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 0335-2018-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**215.064.569.587**	**215.397.712.997**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.1	**12.490.772.116**	**9.784.833.475**
Tiền	111	V.1	12.490.772.116	9.784.833.475
Các khoản tương đương tiền	112	V.1	-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121	V.3	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.3	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.3	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**138.674.602.750**	**140.600.937.170**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	168.346.102.670	169.978.082.085
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.659.340.935	1.569.261.646
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.501.280.200	1.885.714.494
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(32.832.121.055)	(32.832.121.055)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	V.5	**61.572.793.753**	**62.436.179.500**
Hàng tồn kho	141		61.572.793.753	62.436.179.500
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.326.400.968**	**2.575.762.852**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	529.026.151	951.713.192
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12.	1.082.795.466	908.463.557
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12.	714.579.351	715.586.103
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**113.733.105.586**	**130.945.802.639**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**126.871.000**	**126.871.000**
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2	-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.4	126.871.000	126.871.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	
II. Tài sản cố định	**220**		**101.900.934.539**	**106.654.175.441**
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7.	101.900.934.539	106.654.175.441
- Nguyên giá	222		218.219.103.904	208.020.306.462
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(116.318.169.365)	(101.366.131.021)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
- Nguyên giá	228		85.000.000	85.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(85.000.000)	(85.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**4.279.056.500**	**4.279.056.500**
- Nguyên giá	231		4.279.056.500	4.279.056.500
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	V.6	**4.516.935.709**	**14.715.733.151**
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241	V.6	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	4.516.935.709	14.715.733.151
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**2.780.199.201**	**5.025.515.000**
Đầu tư vào công ty con	251	V.3	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.3	425.000.000	425.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.3	2.355.199.201	4.600.515.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.3	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.3	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**129.108.637**	**144.451.547**
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	129.108.637	144.451.547
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**328.797.675.173**	**346.343.515.636**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**327.182.721.906**	**354.407.141.719**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**119.920.421.906**	**146.694.841.719**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	19.076.179.658	25.905.040.355
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		779.785.189	295.810.683
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.	2.386.863	2.386.863
Phải trả người lao động	314		761.376.197	910.428.827
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13.	10.331.210	10.331.210
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.	36.830.541.627	41.060.022.619
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	62.281.000.000	78.598.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		178.821.162	(87.178.838)
Quỹ bình ổn giá	323		-	
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	
II. Nợ dài hạn	**330**		**207.262.300.000**	**207.712.300.000**
Phải trả người bán dài hạn	331	V.11.	-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	V.13.	-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.14.	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	207.262.300.000	207.712.300.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.614.953.267**	**(8.063.626.083)**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.15.	**1.614.953.267**	**(8.063.626.083)**
Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15.	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.15.	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	V.15.	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412	V.15.	8.952.300.000	8.952.300.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.15.	-	-
Cổ phiếu quỹ	415	V.15.	(1.392.524.898)	(1.392.524.898)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.15.	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.15.	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	V.15.	24.628.447.886	24.628.447.886
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	V.15.	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.15.	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.15.	(131.817.970.463)	(141.736.849.316)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		(143.967.581.123)	(146.404.842.137)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.149.610.660	4.667.992.821
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.244.700.742	1.485.000.245
			-	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**328.797.675.173**	**346.343.515.636**

Lập, ngày 03 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
HUỲNH THỊ NGỌC HƯƠNG	TRẦN THỊ HUYỀN	NGUYỄN TẤN QUỐC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.1	**169.256.504.650**	**238.276.766.089**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	81.727.500	496.382.761
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**169.174.777.150**	**237.780.383.328**
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	149.600.842.175	218.886.992.993
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**19.573.934.975**	**18.893.390.335**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	5.828.043.200	668.299.431
Chi phí tài chính	22	VI.5	2.874.122.013	3.114.614.532
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		220.303.117	*1.721.545.535*
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	VI.8	3.037.103.979	3.408.691.727
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	9.441.105.142	10.199.651.940
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	**30**		**10.049.647.041**	**2.838.731.567**
Thu nhập khác	31	VI.6	2.051.456	546.696.105
Chi phí khác	32	VI.7	149.387.095	720.041.241
Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(147.335.639)**	**(173.345.136)**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**9.902.311.402**	**2.665.386.431**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	4.393.365
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	**60**		**9.902.311.402**	**2.660.993.066**
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	**61**		**10.161.060.865**	**2.812.340.336**
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(258.749.463)	(151.347.270)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.028	284
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	1.028	284

Lập, ngày 03 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
HUỲNH THỊ NGỌC HƯƠNG	TRẦN THỊ HUYỀN	NGUYỄN TẤN QUỐC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		157.645.676.042	217.718.281.138
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(129.998.712.774)	(129.359.535.908)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.580.428.361)	(12.167.259.312)
Tiền lãi vay đã trả	04		(220.303.117)	(1.721.545.635)
Thuế TNDN đã nộp	05		-	(4.393.365)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.413.688.826	26.126.330.081
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14.829.254.042)	(82.732.421.846)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**11.430.666.574**	**17.859.455.153**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.737.116.574)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.163.805.457
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.245.315.799	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.798.565.521	253.281.786
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**8.043.881.320**	**(320.029.331)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		3.900.000.000	4.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(20.667.000.000)	(19.632.000.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(16.767.000.000)**	**(15.632.000.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**		**2.707.547.894**	**1.907.425.822**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	V.1	**9.784.833.475**	**7.865.743.177**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.609.253)	11.664.476
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	V.1	**12.490.772.116**	**9.784.833.475**

Lập, ngày 03 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
HUỲNH THỊ NGỌC HƯƠNG	TRẦN THỊ HUYỀN	NGUYỄN TẤN QUỐC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh được chuyển đổi từ Xí nghiệp Phân bón Hóa Sinh thuộc DNNN Công ty Thanh Bình (Pacifico) theo Quyết định số 491/QĐ-BQP ngày 24/03/2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003733 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/08/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13/12/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh	:	100.000.000.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2017	:	100.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Ấp 5, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất, mua bán phân bón. Mua bán nguyên liệu sản xuất phân bón, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành nông nghiệp. Gia công chế biến, nuôi trồng thủy hải sản. Mua bán vật liệu xây dựng, nông-thủy-hải sản, lương thực thực phẩm, hàng trang trí nội thất, sản phẩm giày da, hàng may mặc. Khai thác khoáng sản. Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng. Sản xuất, gia công khung nhà thép, sản phẩm bằng kim loại. Mua bán vật liệu, vật tư ngành bao bì. Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật. Mua bán thuốc bảo vệ thực vật.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	*KCN Đông Bắc Sông Cầu, Thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.*	*100%*	*100%*	*100%*	*100%*
Công ty CP Phân bón Anh Việt	*Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh*	*56,35%*	*56,35%*	*56,35%*	*56,35%*
Công ty liên kết:					
Công ty CP Du Lịch và Khách Sạn Kiến Tường	*Số 72, Trần Hưng Đạo, Khu phố 1, Phường 1, Thị xã Kiến Tường, Long An*	*39%*	*39%*	*39%*	*39%*

Cơ sở đồng kiểm soát

Không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Không có

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Ảnh hưởng đáng kể khi nhà đầu tư sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Các khoản lỗ của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi luỹ kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:
- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:
- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền sau từng lần nhập.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.
Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 33	năm
- Máy móc, thiết bị	5 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 7	năm
- Các tài sản khác	4 - 5	năm
- Phần mềm quản lý	3	năm

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:
- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hcặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Một khoản dự phòng cho các khoản chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp chỉ được ghi nhận khi có đủ các điều kiện ghi nhận đối với các khoản dự phòng theo quy định tại Chuẩn mực kế toán "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

Các khoản dự phòng phải trả được trích lập hay hoàn nhập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Các khoản dự phòng phải trả khi trích lập ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng; khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí SX chung và hoàn nhập vào thu nhập khác.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Trái phiếu chuyển đổi được theo dõi theo từng loại, kỳ hạn, lãi suất và mệnh giá.

Khi phát hành trái phiếu chuyển đổi, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu; lãi trái phiếu ghi nhận vào chi phí tài chính.

Khi đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả trái phiếu trong trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ghi tăng vốn chủ sở hữu tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm trong trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:
- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, bất động sản đầu tư, một số trường hợp có thể và cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa, sản phẩm dở dang ...

Chênh lệch đánh giá lại tài sản trong các trường hợp:
- Khi có quyết định của Nhà nước;
- Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở bảng giá Nhà nước quy định, Hội đồng định giá tài sản hoặc cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.

c. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ và tại thời điểm đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ khi lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.
Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo tài chính;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

18. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:
- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
  + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách

19. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:
- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

23. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ sau đây:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): áp dụng tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn/ nhận góp vốn;

- Đối với nợ phải thu nợ phải thu: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Đối với nợ phải trả nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

25. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:
- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:
- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH) : Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

27. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân Đối kế toán hợp nhất.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:

+ Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
+ Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
+ Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
+ Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của gồm:

+ Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
+ Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
+ Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
+ Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.270.139.568	1.945.561.569
- Tiền gửi ngân hàng	11.220.632.548	7.839.271.906
Cộng	**12.490.772.116**	**9.784.833.475**

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Phát triển XNK Eung Suy Kim Ly	18.343.519.979	20.177.286.343
CH VTNN Kim Mây	38.011.537.186	38.011.537.186
Phải thu khách hàng khác	111.991.045.505	111.789.258.556
Cộng	**168.346.102.670**	**169.978.082.085**

3 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

3.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

3.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a. Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-
b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	***425.000.000***	**-**	***425.000.000***	***425.000.000***	**-**	***425.000.000***
Công ty CP Du lịch & Khách sạn Kiến Tường (1)	425.000.000	-	425.000.000	425.000.000	-	425.000.000
c. Đầu tư vào các đơn vị khác	***2.355.199.201***	**-**	***2.355.199.201***	***4.600.515.000***	**-**	***4.600.515.000***
Công ty CP Mộc Hóa (2)	1.733.790.000	-	1.733.790.000	1.733.790.000	-	1.733.790.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	621.409.201	-	621.409.201	2.866.725.000	-	2.866.725.000
Cộng	**2.780.199.201**	**-**	**2.780.199.201**	**5.025.515.000**	**-**	**5.025.515.000**

Ghi chú:

(1) Theo hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Thương Mại Mộc Hóa để thành lập Công ty CP Du lịch và Khách sạn Kiến Tường, trong đó Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh góp 39% vốn điều lệ (tương đương 7.800.000.000 VND). Đến thời điểm 31/12/2017 số vốn thực tế đã góp là 425.000.000 VND.

(2) Số lượng cổ phiếu Công ty CP Mộc Hóa là: 173.379 cp.

(3) Số lượng cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội là: 85.009 cp.

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4.1 Ngắn hạn				
- Tạm ứng	870.342.589	-	1.300.619.626	-
- Phải thu về BHXH	82.403.653	-	36.560.910	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	-	-
- Phải thu ngắn hạn khác	548.533.958	-	548.533.958	-
Cộng	**1.501.280.200**	**-**	**1.885.714.494**	**-**
4.2. Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	126.871.000	-	126.871.000	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-	-	-
Cộng	**126.871.000**		**126.871.000**	

5 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng gửi đi bán	1.077.145	-	1.077.145	-
- Nguyên liệu, vật liệu	46.311.999.343	-	50.548.190.738	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
- Chi phí SXKD dở dang	407.393.490	-	407.393.490	-
- Thành phẩm	14.852.323.775	-	11.479.518.127	-
- Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	**61.572.793.753**	**-**	**62.436.179.500**	**-**

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Toàn bộ giá trị hàng tồn kho đều dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đông Á.

6 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
-Công trình Nhà máy phân bón NPK Phú Yên	-	10.198.797.442
-Công trình Nhà máy Bến Lức	4.008.490.036	4.008.490.036
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	508.445.673	508.445.673
Cộng	**4.516.935.709**	**14.715.733.151**

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	**70.617.566.089**	**97.774.887.811**	**36.389.718.023**	**2.234.719.939**	**1.003.414.600**	**208.020.306.462**
Số tăng trong năm	**9.598.797.442**	**600.000.000**	**-**	**-**	**-**	**10.198.797.442**
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	9.598.797.442	600.000.000	-	-	-	10.198.797.442
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	**80.216.363.531**	**98.374.887.811**	**36.389.718.023**	**2.234.719.939**	**1.003.414.600**	**218.219.103.904**
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư đầu năm	**44.220.942.331**	**34.665.931.562**	**19.374.433.751**	**2.142.210.762**	**962.612.615**	**101.366.131.021**
Số tăng trong năm	**3.526.392.637**	**7.847.607.468**	**3.482.331.262**	**54.904.992**	**40.801.985**	**14.952.038.344**
- Khấu hao trong năm	3.526.392.637	7.847.607.468	3.482.331.262	54.904.992	40.801.985	14.952.038.344
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	**47.747.334.968**	**42.513.539.030**	**22.856.765.013**	**2.197.115.754**	**1.003.414.600**	**116.318.169.365**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	**26.396.623.758**	**63.108.956.249**	**17.015.284.272**	**92.509.177**	**40.801.985**	**106.654.175.441**
Tại ngày cuối năm	**32.469.028.563**	**55.861.348.781**	**13.532.953.010**	**37.604.185**	**-**	**101.900.934.539**

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: *101.220.820.487* *VND*

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: *38.520.714.532* *VND*

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý: - *VND*

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	85.000.000	-	85.000.000
Số tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	85.000.000	-	85.000.000
Giá trị hao mòn luỹ kế				
Số dư đầu năm	-	85.000.000	-	85.000.000
Số tăng trong năm	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-		-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	85.000.000	-	85.000.000
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: - *VND*

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: *85.000.000* *VND*

9. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
b. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	**4.279.056.500**	-	-	**4.279.056.500**
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	4.279.056.500	-	-	**4.279.056.500**
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	**4.279.056.500**	-	-	**4.279.056.500**
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	4.279.056.500	-	-	**4.279.056.500**
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của BĐS đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay - *VND*

- Nguyên giá BĐSĐT cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá - *VND*

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
9.1. Ngắn hạn		
- Chi phí sửa chữa	-	386.744.418
- Chi phí mua bảo hiểm	-	-
- CCDC xuất dùng	528.498.151	497.894.813
- Chi phí khác	528.000	67.073.961
Cộng	**529.026.151**	**951.713.192**
9.2. Dài hạn		
- CCDC xuất dùng	31.444.594	28.375.004
- Lợi thế kinh doanh	-	-
- Chi phí mua bảo hiểm	-	-
- Chi phí khác	97.664.043	116.076.543
Cộng	**129.108.637**	**144.451.547**

10 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

10.1. Ngắn hạn

a. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay Ngân hàng: (VND)						
- Ngân hàng Đông Á-CN TPHCM (1)	*60.381.000.000*	*60.381.000.000*	*-*	*16.217.000.000*	*76.598.000.000*	*76.598.000.000*
- Ngân hàng Quân đội- CN Bình Định (2)	*1.900.000.000*	*1.900.000.000*	*3.900.000.000*	*4.000.000.000*	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*
Cộng	**62.281.000.000**	**62.281.000.000**	**3.900.000.000**	**20.217.000.000**	**78.598.000.000**	**78.598.000.000**

Ghi chú:

(1): Là các khoản vay tín dụng ngắn hạn VND của Công ty với Ngân hàng TMCP Đông Á - CN TPHCM dưới hình thức hạn mức tín dụng dùng để thanh toán các hóa đơn, hợp đồng mua hàng với thời hạn 9 tháng, lãi suất 8% đến 9% /năm.

(2) Là hợp đồng vay số 17095.17.401.1380882.TD, giá trị 1.900.000.000đ của Công ty với Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Bình Định với hình thức đảm bảo là 1 xe ô tô con hiệu BMW, màu xám, biển kiểm soát 78A-020.02 với thời hạn từ 18/11/2017 đến 17/05/2018, lãi suất 7,6%/năm.

10.2. Dài hạn

a. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay Ngân hàng: (VND)						
- Ngân hàng TMCP Đông Á-CN TPH(	206.699.800.000	206.699.800.000	-	-	206.699.800.000	206.699.800.000
- Ngân hàng Đông Á-CN Bình Định	562.500.000	562.500.000	-	450.000.000	1.012.500.000	1.012.500.000
Cộng	**207.262.300.000**	**207.262.300.000**	**-**	**450.000.000**	**207.712.300.000**	**207.712.300.000**

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số/ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
Số: H.0014/1215	Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Thành phố Hồ Chí Minh	5 năm kể từ ngày 25/06/2015 đến 25/06/2020.	6%/năm	206.699.800.000	*Toàn bộ nhà xưởng, MMTB, CC và các công trình phụ trợ trên đất tại Ấp 5, xã Phạm Văn Cội, Củ Chi, TP.HCM và tại KCN Đông Bắc Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.*
Số: J0016/1215 giá trị 1.800.000.000 đ	Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Bình Định	18/5/2015-18/5/2019	10,6%/năm	562.500.000	*2 xe ô tô tải hiệu Thaco Auman C3400A, màu xanh, biển kiểm soát 78C04358 và 78C04371*
Cộng				**207.262.300.000**	

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty TNHH SX&TM Thiên Thành Lộc	5.306.912.000	5.306.912.000	6.973.232.000	6.973.232.000
Công ty CP sản xuất thép Vina One	1.629.468.111	1.629.468.111	1.629.468.111	1.629.468.111
Công ty TNHH SXDV&TM Hùynh Thành	-	-	-	-
Các nhà cung cấp khác	12.139.799.547	12.139.799.547	17.302.340.244	17.302.340.244
Cộng	**19.076.179.658**	**19.076.179.658**	**25.905.040.355**	**25.905.040.355**

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
12.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.386.863	9.547.452	9.547.452	2.386.863
Thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Cộng	**2.386.863**	**15.547.452**	**15.547.452**	**2.386.863**
12.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	714.542.474	-	-	714.542.474
Thuế thu nhập cá nhân	1.043.629	1.006.752	-	36.877
Thuế khác	-	-	-	-
Cộng	**715.586.103**	**1.006.752**	**-**	**714.579.351**

Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Lãi vay phải trả	-	-
- Chi phí phải trả khác	10.331.210	10.331.210
Cộng	**10.331.210**	**10.331.210**

14. PHẢI TRẢ KHÁC

		Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn			
- Kinh phí công đoàn		25.317.315	206.224.874
- BHXH, BHYT, BHTN		73.511.614	113.471.175
- Cổ tức lợi nhuận phải trả		656.570	656.570
- Mượn tạm vốn kinh doanh:	(*)	36.592.270.000	40.634.470.000
+ Bà Ôn Lệ Hồng		*12.170.000*	*12.170.000*
+ Ông Huỳnh Thanh Liêm		*52.300.000*	*2.494.300.000*

+ Ông Huỳnh Văn Thanh	*2.228.000.000*	*2.228.000.000*
+ Ông Huỳnh Thanh Điền	*12.200.000.000*	*12.200.000.000*
+ Bà Huỳnh Hồng Phương	*21.100.000.000*	*23.700.000.000*
+ Ông Phạm Thành Nhân	*999.800.000*	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	138.786.128	105.200.000
Cộng	**36.830.541.627**	**41.060.022.619**

Ghi chú: (*) Đây là các khoản Công ty mượn tạm vốn, không phải trả lãi vay.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	**100.000.000.000**	**8.952.300.000**	**(1.392.524.898)**	**24.628.447.886**	**(144.546.121.717)**	**1.638.724.009**	**(10.719.174.720)**
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	2.812.340.336	-	2.812.340.336
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	(3.067.935)	(153.723.764)	(156.791.699)
Số dư đầu năm nay	**100.000.000.000**	**8.952.300.000**	**(1.392.524.898)**	**24.628.447.886**	**(141.736.849.316)**	**1.485.000.245**	**(8.063.626.083)**
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	10.161.060.865	-	10.161.060.865
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	(242.182.012)	(240.299.503)	(482.481.515)
Số dư cuối năm nay	**100.000.000.000**	**8.952.300.000**	**(1.392.524.898)**	**24.628.447.886**	**(131.817.970.463)**	**1.244.700.742**	**1.614.953.267**

15.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty mẹ	0,00%	-	0,00%	-
Vốn góp của các đối tượng khác	100,00%	100.000.000.000	100,00%	100.000.000.000
Cộng		**100.000.000.000**		**100.000.000.000**
- Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm		-		-
- Số lượng cổ phiếu quỹ		114.410		114.410

15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

15.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	114.410	114.410
+ Cổ phiếu phổ thông	114.410	114.410
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.885.590	9.885.590
+ Cổ phiếu phổ thông	9.885.590	9.885.590
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.*

15.5. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

15.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	24.628.447.886	24.628.447.886
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

16.1. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	102.323,70	1.199,94
- EUR	-	-

16.2. Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	Nguyên tệ	VND	Thời điểm xóa sổ	Nguyên nhân xóa sổ
ĐL Xuân Tuyết (Nguyễn Thị Dung)		270.966.241	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CHVTTT Hải Yến		39.000.030	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi

CHVTTT Tuyết Mai	257.865.200	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CHVTTT Loan Hà	175.705.474	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Công ty XNK SoKLinh	385.120.240	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CTCP VTNN Bình Dương	503.671.414	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
DNTN Hoàng Ngân	569.769.160	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CHVTNN Như Hiền	100.000.250	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
ĐL VTNN Nguyễn Văn Đồng	90.900.000	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Huỳnh Quốc Kha	255.207.500	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CH VTNN Văn Thành	27.000.000	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Nguyễn Văn Đức	288.537.125	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CHVTNN Mỹ Hạnh	152.773.300	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
DNTN Hưng Yên	2.681.148.990	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Nguyễn Văn Chương	12.299.750	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Nguyễn Văn Dũng	12.028.800	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Công ty TNHH Ngọc Phúc	13.430.650	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Lê Minh Trung	37.873.808	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
DNTN Bảy Nam	228.000.225	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
DNTN Minh Đức	35.228.800	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
DNTN Thanh Phong	65.511.153	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CHVT Trung Hiếu	10.674.150	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CHVTNN Châu Giang	32.524.861	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
HTX DVTM Tân Đồng	50.799.998	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
ĐLPB Cao Thị Cúc	161.152.768	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CH VTNN Minh Huy (Lê Minh Quân)	1.070.749.230	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CH VTNN Ngọc Sáu	35.147.429	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Lê Thị Bảy	15.132.000	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
DNTN Tuấn Khanh	547.492.000	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Các khoản nợ khó đòi khi CPH	5.093.849.133	31/12/2005	Xử lý nợ khó đòi
Cộng	**13.219.559.679**		

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
1.1. Doanh thu		
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa		
+ Công ty CP VTTH và Phân bón Hóa Sinh	103.626.999.600	155.942.939.289
+ Công ty TNHH Phân bón NPK Phú Yên	65.629.505.050	82.333.826.800
+ Công ty Cổ phần Phân bón Anh Việt	-	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	**169.256.504.650**	**238.276.766.089**

2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	43.825.000
- Hàng bán bị trả lại	81.727.500	452.557.761
Cộng	**81.727.500**	**496.382.761**

3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán		
+ Công ty CP VTTH và Phân bón Hóa Sinh	89.481.899.607	142.750.984.528
+ Công ty TNHH Phân bón NPK Phú Yên	60.118.942.568	76.160.352.717
+ Công ty Cổ phần Phân bón Anh Việt	-	(24.354.252)
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
Cộng	**149.600.842.175**	**218.886.992.993**

4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.726.178	16.674.333
- Lãi bán các khoản đầu tư	5.572.853.201	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	207.986.142	242.650.499
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.288.062	73.071.500
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	189.617	335.903.099
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	**5.828.043.200**	**668.299.431**

5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	220.303.117	1.721.545.635
- Chiết khấu thanh toán, bán hàng chậm trả	2.545.254.017	1.327.970.832
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19.228.664	43.094.360
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	77.945.099	22.003.705
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	-
- Chi phí tài chính khác	11.391.116	-
Cộng	**2.874.122.013**	**3.114.614.532**

6 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Được bồi thường	-	6.126.000
- Chiết khấu	-	454.545.455
- Các khoản khác	2.051.456	86.022.650
Cộng	**2.051.456**	**546.696.105**

7 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý TSCĐ ,CCDC	124.512.945	526.029.616
- Các khoản tiền nộp phạt	-	48.993.697
- Thuế GTGT không được hoàn	-	6.348.045
- Các khoản khác	24.874.150	138.669.883
Cộng	**149.387.095**	**720.041.241**

8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
8.1. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nguyên, vật liệu	284.022.938	287.751.933
- Chi phí công cụ, dụng cụ	53.539.832	286.884.584
- Chi phí nhân công	42.000.000	39.600.000
- Chi phí khấu hao	-	-
- Thuế, phí, lệ phí	-	48.024.893
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.317.736.413	1.493.695.646
- Chi phí khác bằng tiền	1.339.804.796	1.252.734.671
Cộng	**3.037.103.979**	**3.408.691.727**
8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nguyên, vật liệu	24.962.672	22.326.670
- Chi phí công cụ, dụng cụ	88.618.768	256.261.290
- Chi phí nhân công	4.768.937.238	5.678.535.387
- Chi phí khấu hao	1.348.594.029	1.072.923.326
- Thuế, phí, lệ phí	98.537.038	86.107.991
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	1.757.362.569
- Hoàn nhập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(2.070.000.000)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.445.754.780	1.730.812.778
- Chi phí khác bằng tiền	1.665.700.617	1.665.321.929
Cộng	**9.441.105.142**	**10.199.651.940**

9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.178.828.785	159.365.883.361
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1.541.676.758	4.149.045.612
- Chi phí nhân công	11.491.805.398	13.980.947.814
- Chi phí khấu hao TSCĐ	14.489.353.015	14.208.926.177
- Thuế, phí, lệ phí	98.537.038	130.235.427
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.087.078.262	4.910.169.373
- Chi phí bằng tiền khác	5.794.028.011	4.882.612.288
Cộng	**163.681.307.267**	**201.627.820.052**

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	4.393.365
Cộng	**-**	**4.393.365**

11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhận kế toán sau thuế TNDN	10.161.060.865	2.812.340.336
Lợi nhuận phân bổ chc cổ đông sở hữu CP phổ thông	10.161.060.865	2.812.340.336
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.885.590	9.885.590
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.028**	**284**

12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ chc cổ đông sở hữu CP phổ thông	10.161.060.865	2.812.340.336
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.885.590	9.885.590
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**1.028**	**284**

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm nay	Năm trước
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	-
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	-
- Các giao dịch phi tiền tệ khác	-	-

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực

3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	3.900.000.000
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	-
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-
- Tiền thu từ giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán	-
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-

4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	20.667.000.000
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	-
- Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-
- Tiền chi trả cho giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán	-
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Thông tin về các bên liên quan

1.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:

Chi phí của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
+ Chi phí tiền lương	906.923.077	1.082.300.000
+ Thù lao	180.000.000	120.000.000

Các giao dịch khác	Năm nay	Năm trước
Cho vay/ mượn tiền	-	-
Giao dịch mua bán	-	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu	-	-
Phải trả	-	-

1.2. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức

Bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	Công ty con	100%
Công ty CP Phân bón Anh Việt	Công ty con	56,35%
Công ty CP Du lịch và Khách sạn Kiến Tường	Công ty liên kết	39%

Trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	Bán hàng	153.000.000
	Mua hàng	5.579.205.000
Công ty CP Phân bón Anh Việt	Bán hàng	-
	Mua hàng	-

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	Nợ phải thu	24.285.825.444
Công ty CP Phân bón Anh	Nợ phải thu	1.845.841.464

2 . Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

Hiện tại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào một nhóm sản phẩm phân bón vô cơ, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, dó đó Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3 . Thông tin về hoạt động liên tục

a/ Về tài chính:

- Tại ngày 31/12/2017 số lỗ luỹ kế của Công ty là 131.817.970.463 VND đã vượt số vốn điều lệ của Công ty và chỉ nhỏ hơn vốn chủ sở hữu là 1.614.953.267 VND.

- Về Nợ ngắn hạn của Công ty nhỏ hơn Tài sản ngắn hạn là 95.144.147.681 VND. Như vậy, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty vẫn đảm bảo.

- Khả năng thanh toán các khoản nợ: Công ty gặp khó khăn về khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn cho các chủ nợ theo các Hợp đồng vay. Công ty không có phụ thuộc quá nhiều các khoản vay ngắn hạn tài trợ cho các tài sản dài hạn.

- Các chủ nợ không có dấu hiệu ngừng hoặc thu hồi các hỗ trợ tài chính.
- Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh là dương, không bị âm.
- Không có sự suy giảm lớn về giá trị của các tài sản.
- Không có nợ phải trả tồn đọng hoặc phải ngừng thanh toán cổ tức cho cổ đông đã được ĐHCĐ thông qua trước đó.
- Các dấu hiệu về tuân thủ hợp đồng tín dụng; chuyển đổi giao dịch từ mua chịu sang thanh toán ngay; không có khả năng tìm kiếm các nguồn tài trợ: Không có.

b/ Về hoạt động:

- Ban Giám đốc có ý định ngừng hoạt động hay giải thể Công ty: Không có. Tuy nhiên, Công ty đã quyết định tạm ngừng hoạt động kinh doanh một công ty con - Công ty CP Phân bón Anh Việt.
- Thiếu thành phần lãnh đạo chủ chốt mà không được thay thế: Không có.
- Mất thị trường lớn, khách hàng quan trọng, mất quyền kinh doanh, nhượng quyền thương mại hoặc mất nhà cung cấp quan trọng: Không có. Tuy nhiên có sự sụt giảm về doanh thu bán hàng và khách
- Gặp khó khăn về lao động: Không có.
- Thiếu hụt vật tư đầu vào chủ yếu: Không có.
- Xuất hiện đối thủ cạnh tranh mới thành công hơn: Không có.

c/ Các dấu hiệu khác:

- Không tuân thủ các quy định về góp vốn cũng như những quy định khác: Không có.
- Đơn vị đang bị kiện nếu thua đơn vị không có khả năng đáp ứng: Không có.
- Thay đổi về pháp luật, chính sách ảnh hưởng bất lợi tới đơn vị: Không có.
- Xảy ra các rủi ro, tổn thất mà không được bảo hiểm hoặc BH với giá trị thấp: Không có.

4 . Thông tin liên quan đến Công ty con "Công ty CP Phân bón Anh Việt"

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty con "Công ty CP Phân bón Anh Việt" chưa được kiểm toán. Trong đó, giá trị tổng tài sản của Công ty con này chiếm tỷ trọng là 1,6% so với tổng tài sản của toàn Công ty. Công ty con đã ngừng hoạt động từ ngày 15/11/2015.

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng những ảnh hưởng (nếu có) của Công ty con này là không trọng yếu đến tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất của toàn Công ty.

5 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Lập, ngày 03 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
HUỲNH THỊ NGỌC HƯƠNG	TRẦN THỊ HUYỀN	NGUYỄN TẤN QUỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

ଓ 000 ଌ

QUY CHẾ
QUẢN TRỊ CÔNG TY

(DỰ THẢO)

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2018

MỤC LỤC

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG 3

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh 3

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt 3

Điều 3. Nguyên tắc quản trị Công ty 4

Điều 4. Cơ cấu quản trị Công ty 4

Chương II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 4

Điều 5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường 4

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 5

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông 5

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông 5

Điều 9. Cách thức bỏ phiếu 6

Điều 10. Các thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông 6

Điều 11. Thông báo kết quả kiểm phiếu 7

Điều 12. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông 7

Điều 13. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 7

Điều 14. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 8

Điều 15. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 8

Chương III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 9

Điều 16. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị 9

Điều 17. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị 9

Điều 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị 10

Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị . 10

Điều 20. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT 10

Điều 21. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT 10

Chương IV: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 11

Điều 22. Các hình thức lấy ý kiến Hội đồng quản trị 11

Điều 23. Thông báo họp Hội đồng quản trị 12

Điều 24. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị 12

Điều 25. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị 12

Điều 26. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị 13

Điều 27. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị 13

Điều 28. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị 14

Chương V: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN 14

Điều 29. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên 14

Điều 30. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty 14
Điều 31. Cách thức bầu Kiểm soát viên 14
Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 14
Điều 33. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 14
Chương VI: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP 14
Điều 34. Các tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp 14
Điều 35. Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp 15
Điều 36. Ký kết hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp 15
Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành doanh nghiệp 15
Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp 16
Chương VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH 16
Điều 39. Nguyên tắc phối hợp 16
Điều 40. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành 16
Điều 41. Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát 17
Điều 42. Tổng Giám đốc điều hành 17
Điều 43. Các trường hợp Tổng Giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị 17
Điều 44. Báo cáo của Tổng Giám đốc điều hành với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao 18
Điều 45. Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS 18
Điều 46. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác 19
Điều 47. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc 21
Chương VIII: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC 22
Điều 48. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành và các cán bộ quản lý 22
Chương IX: BỔ SUNG, SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ VÀ NGÀY HIỆU LỰC 22
Điều 49. Bổ sung và sửa đổi Quy chế quản trị 22

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 201*
- *Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010.*
- *Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.*
- *Thông số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Vật tư tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh thông qua ngày ... tháng ... năm 2018.*

Quy chế quản trị Công ty này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ..... ngày ... tháng ... năm 2018.

Chương I:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, tuân thủ nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị công ty. Quy chế này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Vật tư tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh.

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người điều hành của Công ty cổ phần Vật tư tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
   a. "Quản trị công ty" là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty nhằm mục đích:
      - Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
      - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
      - Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
      - Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
      - Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
      - Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu

quả.

b. "Công ty" được hiểu là Công ty cổ phần Vật tư tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh;

c. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán;

d. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo Điều lệ Công ty;

e. Những chữ viết tắt:

- HĐQT: Hội đồng quản trị
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- BKS: Ban kiểm soát

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị Công ty

Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

1. Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật;
2. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
3. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông ;
4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
5. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
6. Minh bạch trong hoạt động của công ty;
7. HĐQT và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.

Điều 4. Cơ cấu quản trị Công ty

Cơ cấu quản trị Công ty gồm có:

1. Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị
3. Ban kiểm soát
4. Ban Tổng Giám đốc

Chương II:

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường

Công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, gồm các nội dung chính sau:

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ;
2. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ;
3. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ;
4. Cách thức bỏ phiếu;
5. Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề mà cổ đông có yêu cầu và HĐQT xét thấy cần thiết thì Công ty sẽ chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;
6. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
7. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ;
8. Lập biên bản ĐHĐCĐ;
9. Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng;
10. Các vấn đề khác.

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc công bố thông tin được thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 155/2015/TT-BTC.
2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội không sớm hơn năm (05) ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ;
3. Các vấn đề khác liên quan đến danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

1. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Quy chế này; chương trình họp, các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
2. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
3. Thông báo và gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc và thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 155/2015/TT-BTC. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo cách thức quy định tại Điều 17 Điều lệ công ty.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Công ty có trách nhiệm tổ chức đăng ký cổ đông vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ theo

đúng quy định tại khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty.

Điều 9. Cách thức bỏ phiếu

Khi tiến hành đăng ký tham dự Đại hội, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông Phiếu biểu quyết hoặc/ và Thẻ biểu quyết, trên đó ghi mã số đăng ký, tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

1. ***Phiếu biểu quyết:***

a. Cổ đông biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết đối với các nội dung: Thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu; Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội; Chương trình làm việc của Đại hội; Quy chế tham gia đề cử, ứng cử; Danh sách đề cử, ứng cử; Thể lệ bầu cử (trong trường hợp có bầu cử), Biên bản và Nghị quyết Đại hội và một số nội dung thảo luận phát sinh ngay tại Đại hội cần thống nhất trước khi biểu quyết thông qua.

b. Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Phiếu biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến hoặc Có ý kiến khác.

2. *Thẻ biểu quyết:*

a. Cổ đông biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết) bằng cách đánh dấu chéo (X) vào ô Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến của từng nội dung được nêu trong Thẻ biểu quyết.

b. Thẻ biểu quyết không hợp lệ là thẻ biểu quyết không do Công ty phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác … khi không được Chủ tọa yêu cầu; thẻ biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn. Thẻ biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông, không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.

c. Trong một Thẻ biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.

d. Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm hoặc thẻ biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Thẻ biểu quyết mới và phải nộp lại Thẻ biểu quyết cũ.

e. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Thẻ biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban tổ chức trước khi ra về. Nếu cổ đông nào không gửi lại Thẻ biểu quyết cho Ban tổ chức, Ban kiểm phiếu xem như cổ đông đó tán thành đối với các vấn đề cần lấy ý kiến.

f. Thời gian bắt đầu và kết thúc việc bỏ phiếu do Chủ tọa đoàn hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo tại Đại hội.

Điều 10. Các thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản thống kê số phiếu Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến của ĐHĐCĐ đối với từng vấn đề biểu quyết để báo cáo Chủ tọa đoàn.
2. Trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp.

   Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
   b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
   c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
   d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
   e. Các vấn đề đã được thông qua;
   f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

Điều 11. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Chủ tọa sẽ công bố kết quả kiểm phiếu từng vấn đề sau khi tiến hành biểu quyết hoặc ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
2. Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong vòng 24 giờ, đồng thời báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty đăng ký giao dịch và có thể gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

Điều 12. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ công ty, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành, BKS có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quyết định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.
2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 13. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
2. Nội dung Biên bản họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 154 Luật Doanh nghiệp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty, đồng thời báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết/ đăng ký giao dịch trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và có thể gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 14. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin trên website của Công ty, đồng thời báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết/ đăng ký giao dịch trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc.

Quyết định của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến CĐ có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày quyết định được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 15. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ nếu xét thấy vì lợi ích của Công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.
2. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
   a. HĐQT phải chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến; Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết.
   b. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy chế này.
   c. Lập danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Quy chế này.
   d. Gửi tài liệu và Phiếu lấy ý kiến cho cổ đông.

      Chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn gửi lại phiếu lấy ý kiến, HĐQT phải công bố thông tin, đồng thời gửi cho tất cả cá cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Yêu cầu, việc công bố thông tin và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này và Điều 21 Điều lệ Công ty.

   e. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông

      Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc của cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu, trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử thì phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung Phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

f. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu

HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp.

3. Nghị quyết của ĐHĐCĐ và biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ và có thể gửi đến cổ đông trong vòng 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

4. Các trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Ngoại trừ các vấn đề bắt buộc phải thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, HĐQT có quyền tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ vì lợi ích của công ty.

Chương III:

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT cần đáp ứng các tiêu chuẩn theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp. Cơ cấu HĐQT cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức, kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới.

2. Thành viên HĐQT là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật cấm làm thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty.

3. Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc điều hành của Công ty trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác. Chủ tịch HĐT không kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc điều hành từ ngày 01/08/2020.

Điều 17. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT, cụ thể: Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80%

được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
3. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên đáp ứng tiêu chuẩn thành viên HĐQT quy định tại Điều lệ Công ty.
4. Các ứng viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT.

Điều 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
2. Trong trường hợp chỉ có bầu bổ sung một thành viên HĐQT và chỉ có một ứng cử viên ứng cử hoặc đề cử vào HĐQT, ĐHĐCĐ có thể thực hiện bầu bổ sung theo phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết thay cho Phiếu bầu. Việc này sẽ được tiến hành trong trường hợp ĐHĐCĐ đồng ý phương thức như trên.
3. Việc xem xét người trúng cử được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 20. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán.

Điều 21. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:
   - Họ tên, ngày tháng năm sinh;
   - Trình độ chuyên môn;
   - Quá trình công tác;
   - Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
   - Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho công ty, trong trường hợp ứng

viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của công ty;

- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Họ tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn đề cử người hoặc ứng cử vào thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Quy chế này phải nộp đầy đủ văn bản theo quy định của Công ty tại từng thời điểm, như Giấy đề cử/ ứng cử, Sơ yếu lý lịch ứng cử viên, ….

Chương IV:

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Các hình thức lấy ý kiến Hội đồng quản trị

1. Các hình thức tổ chức họp của HĐQT:

   a. Họp trực tiếp.

   b. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

      - Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
      - Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

      Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

      Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

2. Lấy ý kiến bằng văn bản:

   a. Chủ tịch HĐQT gửi Phiếu lấy ý kiến biểu quyết kèm theo tài liệu giải trình đến các thành viên HĐQT ít nhất trước 05 ngày lấy biểu quyết.

   b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ Công ty. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

c. Thư ký Công ty và một thành viên BKS do Trưởng BKS cử có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu và ký tên vào Biên bản.

Điều 23. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị các nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ cuộc họp HĐQT, thời gian, địa điểm họp HĐQT.
2. Địa điểm họp HĐQT có thể tại trụ sở chính của công ty hoặc một địa điểm khác do Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT quyết định
3. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

   Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.
4. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập cuộc họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS và Tổng Giám đốc điều hành như đối với thành viên HĐQT.

Điều 24. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận..
2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT hoặc người được thành viên HĐQT ủy quyền dự họp có mặt.

Điều 25. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Trừ quy định khoản 2 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết.
2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích liên quan. Thành viên HĐQT không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
3. Theo quy định tại khoản 4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ toạ cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ toạ liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính

chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ.

4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 3, 4 Điều 38 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
5. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

Điều 26. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 27. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
   b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
   c. Thời gian, địa điểm họp;
   d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người ủy quyền dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do;
   e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
   f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
   g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
   h. Các quyết định đã được thông qua;
   i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên/ đại diện theo ủy quyền dự họp; hoặc chữ ký của chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản.

   Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT
2. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau.

Điều 28. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của của chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản.
2. Biên bản họp HĐQT và Nghị quyết HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương V:

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 29. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty, Khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 30. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty

Cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử người vào HĐQT theo quy định tại Điều 17 Quy chế này.

Điều 31. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc bầu Kiểm soát viên thực hiện tương tự việc bầu thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.

Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thành viên BKS không còn tư cách Kiểm soát viên trong các trường hợp quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.

Điều 33. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên BKS phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán.

Chương VI:

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 34. Các tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành, HĐQT sẽ quyết định bộ máy quản lý và tuyển dụng thành viên Ban điều hành. Tiêu chuẩn, số lượng thành viên Ban điều hành do HĐQT quyết định tùy theo từng thời điểm. Ban điều hành phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Thành viên Ban điều hành phải đáp ứng các tiêu chuẩn chung như sau:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp;

b. Có trình độ và kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh theo chuyên môn được phân công phụ trách;

c. Chiếm được lòng tin của các cổ đông, các cấp quản lý và nhân viên trong Công ty;

d. Có đức tính trung thực, nhiệt tình và có uy tín;

e. Có kinh nghiệm kinh doanh, có kiến thức tốt về kinh tế, chính trị, pháp luật và các vấn đề xã hội.

f. Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc điều hành (ngoài các tiêu chuẩn nêu tại Khoản 2 Điều này): Theo quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kế toán trưởng: Các tiêu chuẩn quy định tại Điều 54 của Luật Kế toán, có chứng chỉ lớp bồi dưỡng kế toán trưởng.

5. Tùy theo giai đoạn phát triển của Công ty, HĐQT có thể điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban điều hành.

Điều 35. Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

1. Tổng Giám đốc điều hành do HĐQT thuê hoặc bổ nhiệm.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Tổng Giám đốc là 03 (ba) năm và có thể được bổ nhiệm lại.
3. Những người điều hành khác trong Ban điều hành do HĐQT thuê (bổ nhiệm) để giúp việc cho Tổng Giám đốc điều hành theo từng khối công việc được phân công, chịu trách nhiệm trước pháp luật, HĐQT và quyết định đối với công việc được giao.

Điều 36. Ký kết hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên Hội đồng quản trị được Hội đồng quản trị ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm Soát.

2. Tổng Giám đốc điều hành Công ty ký kết hợp đồng với các chức danh còn lại trong Công ty.

3. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Điều lệ Công ty.

Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty xin từ chức phải làm đơn gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng, kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Người điều hành Công ty đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm;

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người điều hành Công ty trong trường hợp sau:
   2.1. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
   2.2. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
   2.3. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm Điều lệ, nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Ban điều hành phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán.

Chương VII:

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Điều 39. Nguyên tắc phối hợp

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban điều hành phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Công ty theo các nguyên tắc sau:
   - Vì lợi ích chung của Công ty.
   - Tuân thủ các quy định hiện hành của Pháp luật.
   - Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất.
   - Trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi để cùng nhau giải quyết khó khăn.
2. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.

Điều 40. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo, biên bản họp và thông báo kết quả buổi họp phải được gửi đến các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc điều hành (trong trường hợp Tổng Giám đốc điều hành cùng tham dự họp) cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
2. Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành (nếu được yêu cầu) có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận, góp ý kiến nhưng không được biểu quyết.
3. Thành viên HĐQT nếu thấy cần thiết có quyền tham dự các cuộc họp do Ban Tổng Giám đốc chủ trì. Thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.
4. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng Giám đốc điều hành về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất là ba mươi (30) ngày.
5. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và các thành viên được triệu tập phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu

giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản và tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị;

6. Căn cứ nội dung biên bản họp. Thư ký phối hợp các bộ phận liên quan soạn thảo Thông báo kết quả cuộc họp để ký, ban hành theo đúng thể thức văn bản. Thông báo kết quả cuộc họp của Hội đồng quản trị được ký, ban hành trong thời hạn không chậm hơn 05 ngày làm việc kể từ khi kết thúc cuộc họp.

Điều 41. Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Các nghị quyết và biên bản họp của HĐQT phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Đối với việc HĐQT uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty theo Khoản 6 Điều 28 của Điều lệ thì nội dung ủy quyền phải được thể hiện bằng Nghị quyết hoặc văn bản ủy quyền có đa số các chữ ký của thành viên HĐQT và được gởi bản chính đến Tổng Giám đốc điều hành; và đáp ứng các yêu cầu khác của pháp luật về ủy quyền.

Điều 42. Tổng Giám đốc điều hành

Tổng Giám đốc điều hành thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và quy định pháp luật; chịu sự giám sát và có trách nhiệm báo cáo đến HĐQT về hoạt động của Tổng Giám đốc và Công ty.

Điều 43. Các trường hợp Tổng Giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Những trường hợp đề nghị triệu tập cuộc họp HĐQT

Khi phát sinh các sự việc ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty hoặc xét thấy vì lợi ích của Công ty mà thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT.

Đề nghị phải bằng văn bản, nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

   a. Các công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT theo quy định Khoản 4 Điều 28 Luật Doanh nghiệp. HĐQT phải phản hồi trong vòng bảy (07) ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận.

   b. Vấn đề chọn công ty kiểm toán độc lập theo đề xuất của BKS.

   c. Đề xuất của BKS về số lượng thành viên BKS.

   d. Các báo cáo, kết luận và kiến nghị của Ban kiểm soát trước khi trình lên ĐHĐCĐ.

   e. Các vấn đề phát sinh trong công tác điều hành vượt quá thẩm quyền của Tổng Giám đốc điều hành.

   f. Các vấn đề khác mà Tổng Giám đốc điều hành nhận thấy cần thiết phải xin ý kiến của HĐQT hoặc HĐQT nhận thấy cần thiết phải tham gia ý kiến.

Điều 44. Báo cáo của Tổng Giám đốc điều hành với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm chỉ đạo lập báo cáo cho HĐQT định kỳ hàng quý, sáu tháng, năm về tình hình hoạt động và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty.

2. Hàng tháng, Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm báo cáo nhanh cho HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty để có cơ sở cho các thành viên HĐQT kiểm tra và giám sát các hoạt động của Công ty.

Điều 45. Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

1. Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm báo cáo về các vấn đề sau:

   - Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Trường hợp khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo ngay với HĐQT để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc điều hành vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và và kiến nghị lên Ban kiểm soát Công ty.

   - Trường hợp phát hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT trái quy định pháp luật, trái Điều lệ Công ty thì Tổng Giám đốc điều hành báo cáo lên HĐQT, nếu HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc điều hành có quyền không thực hiện và kiến nghị lên Ban kiểm soát.

   - Tình hình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân cấp ủy quyền;

   - Tổng Giám đốc điều hành có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát với Tổng Giám đốc điều hành hoặc với những người có liên quan tới Tổng Giám đốc điều hành theo quy định của pháp luật.

   - Ngoài những công việc phải trình HĐQT theo quy định pháp luật, Điều lệ công

ty và Khoản 2 Điều 43 Quy chế này, Tổng Giám đốc điều hành có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được HĐQT ban hành; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự cố…).

2. Cách thức gửi báo cáo:

- Báo cáo của Tổng Giám đốc điều hành trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT. Tất cả các báo cáo của Tổng Giám đốc điều hành phải là văn bản chính thức, có ký tên, đóng dấu, có nêu rõ ý kiến tham mưu, đề xuất để Hội đồng quản trị có cơ sở xem xét, giải quyết;
- Báo cáo có thể được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

3. Vấn đề cung cấp thông tin:

- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, người điều hành trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
- Đối với việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, Ban kiểm soát có nghĩa vụ nêu rõ lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu được trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của ĐHĐCĐ. Các thông tin và tài liệu này bao gồm nhưng không giới hạn ở:
    - Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
    - Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;
    - Báo cáo của Tổng Giám đốc điều hành;
    - Thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;
    - Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính;
    - Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.

Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 46. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác

1. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng Giám đốc điều hành:

a. Hội đồng quản trị và các thành viên không can thiệp trực tiếp vào hoạt động hàng ngày và công tác thuộc thẩm quyền của Ban điều hành trừ khi xét thấy cần

thiết.

b. Trong trường hợp cấp thiết nhưng phải được sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc điều hành, thành viên Ban điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty và gửi cho HĐQT trước ít nhất 24 giờ. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

c. Các nội dung khác cần ý kiến của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc phải có trách nhiệm phản hồi trong vòng ngày năm (05) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

d. HĐQT có trách nhiệm phản hồi các nội dung: Kiến nghị về Điều lệ; Quy chế quản trị công ty ; Cơ cấu tổ chức và số lượng người điều hành doanh nghiệp trong thời hạn mười (10) ngày.

e. Các nội dung phê chuẩn giao dịch với Người có liên quan hoặc Giao dịch trọng yếu, HĐQT phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn mười (10) ngày.

f. Đối với các báo cáo đánh giá Tổng Giám đốc và thành viên Bộ máy điều hành, HĐQT phải gởi bản dự thảo đến các đối tượng trước một thời gian hợp lý.

g. Các nội dung được gởi nhằm để lấy ý kiến của Tổng Giám đốc về mức lương và lợi ích khác của Người quản lý, các nội dung nhân sự… phải được gởi trước ít nhất là hai (02) ngày.

h. Đối với các chi tiêu, sử dụng chi phí của HĐQT, HĐQT phải có văn bản thuyết minh tính hợp lý khi gởi hồ sơ, chứng từ về Công ty.

i. Khi Tổng Giám đốc điều hành ra quyết định hay ký bất kỳ văn bản nào trái quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ khác của Công ty và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty thì Chủ tịch HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc điều hành hủy bỏ văn bản đó. Nếu Tổng Giám đốc điều hành không thi hành thì Chủ tịch HĐQT có quyền ra văn bản đình chỉ thi hành quyết định này của Tổng Giám đốc điều hành và thông báo tới tất cả thành viên HĐQT và Ban điều hành.

j. Khi Tổng Giám đốc điều hành có hành vi vi phạm pháp luật và gây thiệt hại cho Công ty thì Chủ tịch HĐQT phải tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để xử lý hành vi vi phạm và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

2. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS:

a. HĐQT:
   - HĐQT gửi thông báo mời họp và các tài liệu liên quan cũng như thông báo kết quả cuộc họp HĐQT cho BKS theo quy định tại Quy chế này.
   - Tạo điều kiện để BKS phát huy tác dụng của công tác kiểm tra, kiểm soát thường xuyên và đột xuất.
   - Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp các đợt kiểm tra của BKS, HĐQT phải nghiên cứu để có kế hoạch củng cố, chấn chỉnh và cần có biện pháp xử lý đối với các đơn vị và cá nhân liên quan và khắc phục các vi phạm sau kiểm tra, kiểm soát của BKS theo quy định của Công ty.
   - Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT, HĐQT có trách nhiệm phản

hồi trong vòng ngày bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

b. Ban kiểm soát:
   - Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS, BKS phải có trách nhiệm phản hồi trong vòng ngày bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.
   - Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
   - Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu cả Tổng Giám đốc điều hành, và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
   - Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
   - Đối với các kiến nghị sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi.
   - Đối với việc thẩm tra báo cáo tài chính được kiểm toán, BKS phải phản hối ý kiến bằng văn bản trong vòng mười (10) ngày

3. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Tổng Giám đốc điều hành:
   a. Tổng Giám đốc điều hành chỉ đạo các phòng ban chức năng, đơn vị thuộc Công ty cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin theo yêu cầu Ban Kiểm soát khi cần thiết;
   b. Định kỳ, Tổng Tổng Giám đốc điều hành gửi các báo cáo đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, các kiến nghị, đề xuất trong thực hiện nhiệm vụ để hoàn thành kế hoạch đã được phê duyệt cho Hội đồng Quản trị đồng thời chuyển cho Ban Kiểm soát một bản để làm cơ sở kiểm soát;
   c. Căn cứ kết quả kiểm tra, kiểm soát, Ban Kiểm soát kiến nghị Tổng Tổng Giám đốc điều hành kịp thời xử lý, chấn chỉnh các vấn đề phát sinh (nếu có) trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
   d. Khi nhận được kết quả kiểm tra, Tổng Giám đốc điều hành sẽ xem xét đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban Kiểm soát có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Tổng Giám đốc điều hành;
   e. Tổng Giám đốc điều hành bố trí các phương tiện, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của Ban Kiểm soát, cử cán bộ có năng lực phù hợp tham gia các đoàn kiểm tra khi cần thiết theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

Điều 47. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

1. Trên cơ sở báo của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 44, 45 Quy chế này và Báo cáo kết quả giám sát của Ban kiểm soát đối với hoạt động của Tổng Giám đốc, HĐQT tổ chức kiểm điểm về việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc điều hành.

2. Việc kiểm điểm được lập thành biên bản và được các thành viên HĐQT thống nhất thông qua.

Chương VIII:

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 48. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành và các cán bộ quản lý

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và kết quả hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao, Chủ tịch Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc điều hành;
2. Phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:
   a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
   b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
   c. Hoàn thành nhiệm vụ;
   d. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.
3. Khen thưởng

Hàng năm căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, được xét chi thưởng theo Quy chế khen thưởng của Công ty.

4. Xử **lý kỷ luật**
   a. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty;
   b. Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra (nếu có);
   c. Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Người điều hành công ty khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ, quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương IX:

BỔ SUNG, SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ VÀ NGÀY HIỆU LỰC

Điều 49. Bổ sung và sửa đổi Quy chế quản trị

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được HĐQT xem xét quyết định, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến quy chế quản trị của Công ty khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty.

Điều 50. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 09 chương 50 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ....
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty. Những nội dung không nêu trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

.....

BẢNG TỔNG HỢP GÓP Ý SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 1. Định nghĩa Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 4 Điều lệ này; d. "Cán bộ quản lý" là Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn; f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; Chưa có	**Điều 1. Định nghĩa** Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này; d. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm; f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán; i. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán; j. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.	*Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ sửa đổi.* *Bổ sung phù hợp với Điều 1 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn Nghị định số **71/2017/NĐ-CP** ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng **("TT 95/2017/TT-BTC").***
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 47 thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty** 6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 50, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	*Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ sửa đổi.*
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký	**Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động** 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của công ty đã	*Sửa đổi phù hợp Điều 5 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	*BTC.* *Theo LDN 2014, ngành nghề KD không còn được ghi nhận vào nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà sẽ được công khai trên Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký Doanh nghiệp* *(Điều 29, Điểm a Khoản 2 Điều 33 LDN 2014)*
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. 3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi.	**Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập** 2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. 3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông.	*Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 6 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua	**Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần** 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua	*Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 9 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC và đặc điểm công ty – hiện nay công ty chỉ đăng ký giao dịch, chưa niêm yết.* *Bổ sung phù hợp Khoản 2 Điều 9 TT 95/2017/TT-BTC.*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
cổ phiếu mới chào bán.	cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi liên quan theo quy định pháp luật.	
Điều 11. Quyền của cổ đông	**Điều 11. Quyền của cổ đông**	
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:	2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:	
e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông;	*Điểm đ Khoản 1 Điều 114, Khoản 3 Điều 121, Khoản 3 Điều 137 LDN 2014; Điểm e, f Khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;	g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm các nghĩa vụ nợ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho cổ đông nắm giữ các cổ phần ưu đãi khác của công ty theo quy định của pháp luật;	*Sửa đổi phù hợp Điểm h Khoản 2 Điều 12 TT 95/2017/TT-BTC.*
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:	
a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;	a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này;	*Sửa đổi tham chiếu điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ sửa đổi.*
c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.	c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.	*Sửa đổi phù hợp Điểm c Khoản 3 Điều 12 TT 95/2017/TT-BTC*
d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc	d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh	*Sửa đổi phù hợp Điểm d Khoản 3 Điều 12 TT 95/2017/TT-BTC.*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; …	nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; ...	
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông có các nghĩa vụ sau: 2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.	**Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông** Cổ đông có các nghĩa vụ sau: 2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử).. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.	*Bổ sung phù hợp Khoản 2 Điều 13 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC; Khoản 2 Điều 140 LDN 2014.*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	**Điều 13. Đại hội đồng cổ đông**	
2. ... Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.	2. ... Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để giải thích các nội dung liên quan.	*Bổ sung phù hợp Khoản 2 Điều 14 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	
a. ...	a. ...	
b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;	b. Báo cáo tài chính quý, sáu tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa(1/2) so với số đầu kỳ;	*Sửa đổi phù hợp Điểm b Khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc bị giảm quá một phần ba số thành viên quy định trong Điều lệ;	c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc bị giảm quá một phần ba số thành viên quy định trong Điều lệ;	*Bổ sung phù hợp Điểm c Khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
d. … Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;	d. … Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;	*Sửa đổi phù hợp Điểm c Khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài	e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm	*Sửa đổi phù hợp quy định thay đổi khái niệm "cán bộ quản lý thành 'người điều hành doanh nghiệp".*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
phạm vi quyền hạn của mình;	vi quyền hạn của mình;	
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.	**Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông** 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định pháp luật.	*Sửa đổi phù hợp Điểm b Khoản 3 Điều 15 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền 2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp; b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông, người được uỷ quyền dự họp; … Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.	**Điều 15. Các đại diện được ủy quyền** 2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp; b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp; … Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.	*Sửa đổi phù hợp Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 16 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 16. Thay đổi các quyền 1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.	**Điều 16. Thay đổi các quyền** 1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.	*Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 17 TT 95/2017/TT-BTC.*
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (khi công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. … 6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	**Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông** 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời đăng trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty.… 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	*Sửa đổi, bổ sung phù hợp Khoản 2 Điều 139 LDN 2014, Điều 18 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.* *Sửa đổi phù hợp Điểm đ Khoản 7 Điều 136 LDN 2014, Điểm d Khoản 2 Điều 18 TT 95/2017/TT-BTC.*
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 3. … Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất	**Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông** 3. … Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu của quyền biểu quyết của cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất	*Sửa đổi phù hợp Khoản 3 Điều 141 LDN 2014, Khoản 3 Điều 19 TT 95/2017/TT-BTC.*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	**Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**	
1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	*Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 20 TT 95/2017/TT-BTC.*
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội.	3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội.	*Bổ sung phù hợp hợp Khoản 6 Điều 142 LDN 2014, Khoản 3 Điều 20 TT 95/2017/TT-BTC.*
4. … Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ toạ, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.	4. … Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm chủ toạ, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.	*Sửa đổi phù hợp Điểm a Khoản 2 Điều 142 LDN 2014; Khoản 4 Điều 20 TT 95/2017/TT-BTC.*
5. Chủ toạ là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.	5. Hủy bỏ	*Hủy bỏ phù hợp Khoản 3, 4 Điều 142 LDN 2014.*
7. Chủ toạ của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.	7. Chủ toạ của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.	*Sửa đổi phù hợp Khoản 4 Điều 142 LDN 2014, Khoản 6 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân	8. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không	*Sửa đổi phù hợp Khoản 8 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC; Điểm a Khoản 7 Điều 142 LDN 2014.*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội. 9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để: ... Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. 10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể: …	chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội. 9. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để: ... Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. 10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể: ...	*Sửa đổi phù hợp với quy định về người có thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ: không chỉ là HĐQT mà còn có thể là BKS, cổ đông lớn;*
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông **1.** Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông: … Chưa có d. Các vấn đề khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20 Điều lệ này.	**Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông** **1.** Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông: … d. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ. e. Các vấn đề khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20 Điều lệ này.	*Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 21 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC (DN có thể giữ nguyên tỷ lệ 65%).* *Theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 144 LDN 2014, nội dung tư vấn, sửa đổi Điều lệ có thể được thông qua với tỷ lệ 51% trở lên => Sửa đổi này sẽ thuận tiện cho*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		hoạt động của DN (DN có thể sửa hoặc không).
2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, dự án đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	**2.** Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, dự án đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	*Sửa đổi phù hợp đề xuất sửa đổi nêu tại Điểm d Khoản 1 Điều này.*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	**Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**	
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông …	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông …	*Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 22 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	
a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;	a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;	*Sửa đổi phù hợp với Điểm a Khoản 3 Điều 22 TT 95/2017/TT-BTC.*
c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;	c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức hoặc họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;	*Sửa đổi phù hợp với Điểm c Khoản 3 Điều 22 TT 95/2017/TT-BTC.*
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.	4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc của cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền.	*Sửa đổi phù hợp Khoản 4 Điều 22 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi	Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi	*Bổ sung phù hợp Khoản 5 Điều 22 Điều lệ mẫu TT*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.	kiểm phiếu, trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử thì phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở, bị công bố trước thời điểm kiểm phiếu đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.	*95/2017/TT-BTC; Khoản 4 Điều 145 LDN 2014.*
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	*Sửa đổi phù hợp với Khoản 6 Điều 22 TT 95/2017/TT-BTC*
a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;	a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;	*Sửa đổi phù hợp với Điểm a, c Khoản 6 Điều 22 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC; Điểm a, c Khoản 5 Điều 145 LDN 2014.*
c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;	c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;	
f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.	f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.	*Bổ sung phù hợp Điểm f Khoản 6 Điều 22 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC; Điểm e Khoản 5 Điều 145 LDN 2014.*
Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; …	Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; …	
6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và có thể gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	*Sửa đổi phù hợp Khoản 6 Điều 145 LDN 2014 => việc gửi BB kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên Website công ty.*
8. Quyết định được thông qua theo		*Sửa đổi phù hợp*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	*Khoản 9 Điều 22 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC; Khoản 4 Điều 144 LDN 2014 => DN có thể giữ nguyên tỷ lệ 65%.*
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. … Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	**Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông** Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và có thể gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. … Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự, nghị quyết đã được thông qua, tài liệu liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	*Sửa đổi phù hợp Khoản 5 Điều 23 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC; Khoản 3 Điều 146 LDN 2014.*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: … 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 17 Điều lệ này. 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.	**Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông** Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: ... 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 17 Điều lệ này. 2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.	*Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 24 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
Chưa có	**Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị** 1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng	*Bổ sung phù hợp Điều 11 NĐ 71/2017/NĐ-CP, Điều 25 TT 95/2017/TT-BTC.*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); i. Các thông tin khác (nếu có). 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. 3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và	*Chuyển lên từ Khoản 2 Điều 24 Điều lệ cũ (Điều 25 dự thảo Điều lệ sửa đổi).* *Chuyển lên từ Khoản 3 Điều 24*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản tri đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản tri công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản tri đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản tri phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	*Điều lệ cũ (Điều 25 dự thảo Điều lệ sửa đổi).*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	**Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**	
1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	*Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 26 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC; Điều 13 NĐ 71/2017/NĐ-CP.*
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng ...	2. Chuyển lên Khoản 2 Điều 24.	
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, ...	3. Chuyển lên Khoản 3 Điều 24.	
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:	4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:	*Bổ sung phù hợp Điểm f, g Khoản 3 Điều 26 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
Chưa có	g. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị; h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	**Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**	
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.	**2.** Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và người điều hành khác.	
3. ... Cụ thể, Hội đồng quản trị có	3. ... Cụ thể, Hội đồng quản trị có	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	
c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm <u>các cán bộ quản lý Công ty</u> theo đề nghị của Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;	c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm <u>người điều hành doanh nghiệp</u> theo đề nghị của Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;	*Sửa đổi phù hợp quy định thay thế khái niệm "cán bộ quản lý" thành "người điều hành daonh nghiệp".*
d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;	d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; <u>việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.</u>	*Bổ sung phù hợp Điểm e, f Khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
đ. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với <u>cán bộ quản lý</u> cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với <u>cán bộ quản lý</u> đó;	e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với <u>người điều hành doanh nghiệp</u> cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối <u>với</u> <u>người điều hành</u> đó;	
i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc, <u>cán bộ quản lý</u> khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);	i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc điều hành, <u>người điều hành</u> khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);	*Sửa đổi phù hợp quy định về thay đổi khái niệm "cán bộ quản lý" thành "người điều hành doanh nghiệp".*
Chưa có	<u>o. Quyết định việc áp dụng Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u> <u>p. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</u> <u>q. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông.</u>	*Bổ sung phù hợp Điểm h, i n Khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:	4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:	
c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng	c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <u>Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1,</u> Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng	*Bổ sung phù hợp Điểm c Khoản 3 Điều 27 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh); 5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua. 6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty. Khoản 7, 8, 9, 10 chuyển xuống Điều 28 dự thảo Điều lệ sửa đổi.	quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh); 5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và những người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua. 6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành doanh nghiệp đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.	*BTC.* *Sửa đổi phù hợp quy định về thay đổi khái niệm "cán bộ quản lý" thành "người điều hành doanh nghiệp".*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Chưa có	**Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị** 1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được. 2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty. 3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. 4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi	*Chuyển từ Khoản 7, 8, 9, 10 Điều 25 Điều lệ cũ xuống.* *Sửa đổi phù hợp Điều 28 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị .	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.	**Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị**	*DN lưu ý từ ngày 01/08/2020, Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm Giám đốc điều hành của 1 công ty đại chúng (Khoản 2 Điều 12, Khoản 2 Điều 37 NĐ 71/2017/NĐ-CP)*
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác; b. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành Hội đồng quản trị; 4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	**Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị** 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; 4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu	*Sửa đổi , bổ sung phù hợp Điểm b, d Khoản 3 Điều 30 TT 95/2017/TT-BTC, Khoản 4 Điều 153 LDN 2014.* *Sửa đổi phù hợp Khoản 4 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC; Khoản 5 Điều 153 LDN 2014.*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	tập họp Hội đồng quản trị.	
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.	**7.** Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết của thành viên.	*Sửa đổi phù hợp Khoản 7 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC*
Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và của các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.	
8**.** Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).	8**.** Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	*Bổ sung phù hợp Khoản 8 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC*
9. Biểu quyết.	9. Biểu quyết.	
a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;	a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản **Error! Reference source not found.** Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;	*Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ sửa đổi.*
c. Theo quy định tại Điểm d Khoản **Error! Reference source not found.** Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên	c. Theo quy định tại Điểm d Khoản **Error! Reference source not found.** Điều này, khi có vấn đề phát sinh	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ toạ cuộc họp quyết định. ... d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó. Chưa có	trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ toạ cuộc họp quyết định. ... d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 38 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó. e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	*Bổ sung phù hợp Điểm e Khoản 11 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: b. … Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. …	12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: b. … Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. …	*Sửa đổi phù hợp Khoản 9 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC*
14. … Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và	**14.** … Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc	*Sửa đổi phù hợp Điểm i Khoản 1 Điều 154 LDN 2014; Khoản 15 Điều 30 Điều lệ mẫu TT*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.	Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản.	*95/2017/TT-BTC (DN có thể giữ quy định về việc tất cả các TV HĐQT phải ký tên vào biên bản nhưng lưu ý chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản là bắt buộc).*
Điều 29. Cán bộ quản lý 1. Theo đề nghị của Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tuỳ từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. 2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định, và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc điều hành.	**Điều 31. Người điều hành doanh nghiệp** 1. Theo đề nghị của Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành doanh nghiệp cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tuỳ từng thời điểm. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. 2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định, và hợp đồng với những người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc điều hành.	*Sửa đổi phù hợp Điều 34 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC về việc thay đổi khái niệm "cán bộ quản lý" thành "người điều hành doanh nghiệp".*
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc **1.** … Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty. **2.** … Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp	**Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành** 1. … Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty. **2.** … Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp	*Bổ sung phù hợp Khoản 1 Điều 35 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC; Khoản 3 Điều 158 LDN 2014.* *Bổ sung phù hợp*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.	đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	*Khoản 2 Điều 35 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
3. Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:	**3.** Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:	
c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;	c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo quy chế quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;	*Sửa đổi phù hợp quy định về việc thay đổi khái niệm "cán bộ quản lý" thành "người điều hành doanh nghiệp".*
Chưa có	h. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.	*Bổ sung phù hợp Điểm c Khoản 3 Điều 35 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC; Điểm d Khoản 3 Điều 157 LDN 2014.*
h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật.	i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật.	
Điều 31. Thư ký Công ty …. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: 5. …. Chưa có	**Điều 33. Thư ký Công ty** … Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: 5. … 6. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; 7. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; 8. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Chưa có	**Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên** 1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Điều 24 Điều lệ này và quy định sau đây: Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên. 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	*Bổ sung phù hợp Điều 19 NĐ 71/2017/NĐ-CP, Điều 36 TT 95/2017/TT-BTC.* *Chuyển lên từ Khoản 2 Điều 32 Điều lệ cũ.* *Chuyển lên từ Khoản 3 Điều 32 Điều lệ cũ.*
Điều 32. Kiểm soát viên 1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba đến năm (05) thành viên. Các Kiểm soát viên không phải là người thuộc bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.	**Điều 35. Kiểm soát viên** **1.** Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) thành viên. Các Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, không phải là người thuộc bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.	*Sửa đổi phù hợp Điểm b Khoản 2 Điều 20 NĐ 71/2017/NĐ-CP; Điểm b Khoản 2 Điều 37 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	Các Kiểm soát viên không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều ành và người điều hành khác của Công ty. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	*Sửa đổi phù hợp Điểm b Khoản 1 Điều 164 LDN 2014.*
b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;	b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các người điều hành doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;	*Sửa đổi phù hợp quy định về thay đổi khái niệm "cán bộ quản lý" thành "người điều hành doanh nghiệp".*
2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. ...	2. Chuyển lên Khoản 1 Điều 34 dự thảo Điều lệ sửa đổi.	
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. ...	3. Chuyển lên Khoản 2 Điều 34 dự thảo Điều lệ sửa đổi.	
5. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau: Chưa có	5. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau: f. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật này; g. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; h. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật này và Điều lệ công ty.	*Bổ sung phù hợp Điểm a Khoản 1, Điểm d, b Khoản 2 Điều 37 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC; Điểm a Khoản 1, Điểm a, b Khoản 2 Điều 169 LDN 2014.*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 33. Ban kiểm soát 1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	**Điều 36. Ban kiểm soát** 1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	
Chưa có	i. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình; j. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông; k. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; l. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 10 Nghị định 71/2017/NĐ-CP Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.	*Bổ sung phù hợp Điều 22 NĐ 71/2017/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 38 TT 95/2017/TT-BTC.*
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và người điều hành khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông và bản sao các biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được	*Sửa đổi phù hợp quy định thay đổi khái niệm "cán bộ quản lý" thành "người điều hành doanh nghiệp"; Khoản 5 Điều 166 LDN 2014; Khoản 2 Điều 38 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị, cổ đông.	*BTC.*
3. … Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.	3. … Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 2/3 số Kiểm soát viên.	*Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 23 NĐ 71/2017/NĐ-CP; Khoản 3 Điều 38 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	**Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng** Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.	*Sửa đổi phù hợp quy định thay đổi khái niệm "cán bộ quản lý" thành "người điều hành doanh nghiệp"; Điều 39 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; … 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty … 3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những	**Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi** 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; … 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty … 3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những	*Sửa đổi phù hợp quy định thay đổi khái niệm "cán bộ quản lý" thành "người điều hành doanh nghiệp";*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Quy định này không bắt buộc đối với Công ty và tổ chức có liên quan đến các thành viên nêu trên là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và trường hợp khác theo quy định pháp luật chuyên ngành.	*Bổ sung phù hợp Điểm a Khoản 4 Điều 26 NĐ 71/2-17/NĐ-CP; Khoản 4 Điều 40 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây: a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực … b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% … những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán	**4**. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây: a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người điều hành, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực … b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% … những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người điều hành, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn	*Sửa đổi phù hợp Khoản 5 Điều 40 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
thành hợp đồng hoặc giao dịch này; c. … hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này; c. … hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua . Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	
Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường **1**. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực … phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. **2**. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố … nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các	**Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường** **1**. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực … phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. **2.** Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố … nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các	*Sửa đổi phù hợp quy định thay đổi khái niệm "cán bộ quản lý" thành "người điều hành doanh nghiệp";*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường …	công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường …	
Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. …	**Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ** 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. …	*Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ sửa đổi.*
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, …	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, …	*Sửa đổi phù hợp quy định về thay đổi khái niệm "cán bộ quản lý thành "người điều hành daonh nghiệp.*
Điều 38. Công nhân viên và công đoàn **1.** Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương , bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.	**Điều 41. Công nhân viên và công đoàn** 1. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương , bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.	*Sửa đổi phù hợp quy định về thay đổi khái niệm "cán bộ quản lý thành "người điều hành daonh nghiệp.*
Điều 39. Phân phối lợi nhuận 5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. ... Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng	**Điều 42. Phân phối lợi nhuận** 5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. ... Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty	*Sửa đổi phù hợp thực tế DN hiện nay là DN UPCOM, chưa niêm yết.*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.	chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.	
Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, …. 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty … 4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.	**Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý** 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này, …. 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty … 4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng của công ty phải được công bố trên website của Công ty.	*Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ sửa đổi.* *Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 48 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
Điều 47. Chấm dứt hoạt động 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: Chưa có d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	**Điều 50. Chấm dứt hoạt động** 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	*Bổ sung phù hợp Khoản 1 Điều 52 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
Điều 48. Thanh lý 3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau: a. Các chi phí thanh lý; b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;	**Điều 51. Thanh lý** 3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau: a. Các chi phí thanh lý; b. Tiền lương, trợ cấp thôi việc, chi phí bảo hiểm và các quyền lợi khác cho người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã	*Sửa đổi phù hợp Điểm b Khoản 3 Điều 54 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	ký kết;	
Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa: … b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.	**Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ** 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa: … b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành doanh nghiệp. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.	*Sửa đổi phù hợp quy định thay đổi khái niệm "cán bộ quản lý" thành "người điều hành daonh nghiệp"; Khoản 1 Điều 55 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.*
Điều 51. Ngày hiệu lực **1.** Bản điều lệ này gồm 21 chương 51 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh nhất trí thông qua ngày ngày 02 tháng 04 năm 2016 tại Hội trường Công ty cổ phần Vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	**Điều 54. Ngày hiệu lực** **1.** Bản điều lệ này gồm 21 chương 54 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh nhất trí thông qua ngày … tháng … năm 2018 tại Hội trường Công ty cổ phần Vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	*Sửa đổi phù hợp thực tế dự thảo Điều lệ sửa đổi.*

Trong Điều lệ này, các khái niệm "Cán bộ quản lý" được thay thế bằng "Người điều hành doanh nghiệp".

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
---o0o---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
---o0o---

DỰ THẢO

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

Hôm nay, vào lúc… giờ … phút ngày 07 tháng 04 năm 2018, tại Hội trường Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh, Ấp 5 Xã Phạm Văn Cội, Củ Chi, TP. HCM, cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh được tiến hành với nội dung chi tiết như sau:

1. Khai mạc cuộc họp

Ông/Bà…..điều khiển.

1.1. Phần nghi thức khai mạc gồm có: Nghi thức chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu

Thành phần tham dự bao gồm:

- Ông **……** – Chức vụ: ….
- Ông **…..** – Chức vụ…..
- Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hoá sinh;
- Các cổ đông và đại diện cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hoá sinh.

1.2. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2017 Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hoá sinh

Ông/**Bà…..**Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự với tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự tính tới thời điểm….. giờ ….. phút là ….cổ đông, tổng số cổ phần của cổ đông tham dự là …. cổ phần, chiếm …. tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện ….% vốn điều lệ.

Như vậy, Đại hội cổ đông thường niên 2018 đủ điều kiện để tiến hành theo quy định của pháp luật.

1.3. Thông qua Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội:

Ông/Bà**….**trình bày và điều khiển Đại hội thông qua Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội *(tài liệu đính kèm)*.

Với ….. số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội

1.4. Thông qua số lượng và danh sách nhân sự Đoàn chủ tịch

Đại hội đã thông qua số lượng và danh sách Đoàn chủ tịch với số phiếu chấp thuận là …..% cụ thể như sau:

Đoàn chủ tịch (gồm 03 người):

1. Ông/Bà **….** – …
2. Ông/Bà **….** – ….
3. Ông/Bà **…** – ….

1.5. **Thông qua số lượng và danh sách nhân sự Thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu**

Ông/Bà…. điều khiển:

Đại hội đã thông qua số lượng và danh sách Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu với số phiếu chấp thuận là …%, cụ thể như sau:

- **Thư ký đoàn (gồm 2 người):**

1. Ông/Bà…..
2. Ông/Bà…..

- **Ban Kiểm phiếu (gồm 3 người):**

1. Ông/Bà….
2. Ông/Bà….
3. Ông/Bà….

2. Nội dung Đại hội

2.1. Thông qua Chương trình Đại hội

Ông/Bà:…. trình bày và điều khiển Đại hội thông qua Chương trình Đại hội *(tài liệu đính kèm)*.

Với …% số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua Chương trình Đại hội.

2.2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2018

Ông/Bà … trình bày *(tài liệu đính kèm)* với một số chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2017	Tỷ lệ thực hiện
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	25.711	35.000	73,46%
Doanh thu (tỷ đồng)	169,174	330,000	51,26%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	9,902	05	198,04%

2.3. Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2017

Ông/Bà **….** – Đại diện Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) trình bày *(tài liệu đính kèm)*.

2.4. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017

Ông/Bà…. – Thành viên Ban kiểm soát thay mặt Ban kiểm soát trình bày *(Báo cáo đính kèm)*.

2.5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018

Ông/Bà…. trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và đưa ra phương hướng nhiệm vụ năm 2018 (tài liệu đính kèm) với một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018 như sau:

Năm 2017:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017
1	Sản lượng tiêu thu	Tấn	25.711
2	Doanh thu	Triệu đồng	169,174
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	9.902

Phương hướng nhiệm vụ năm 2018

Chỉ tiêu cụ thể năm 2018:

- Sản lượng tiêu thụ: 27.000 tấn
- Doanh thu: 250 tỷ đồng
- Lợi nhuận: 05 tỷ đồng
- Cổ tức: 0%
- Thu nhập bình quân của người lao động: 5.500.000 đồng

2.6. Tờ trình về chế độ thù lao của HĐQT và BKS năm 2017 và 2018

Ông/Bà **…** – Thành viên Ban kiểm soát trình bày Tờ trình Đại hội về mức thù lao của HĐQT và BKS *(Tờ trình đính kèm)* như sau:

- **Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2016, 2017:**

Căn cứ Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016, Công ty thực hiện vượt kế hoạch lợi nhuận 2,66 tỷ đồng nên thành viên HĐQT và BKS được khen thưởng về những thành tích và đóng góp của mình cho sự phát triển của Công ty. Mức khen thưởng là 10% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch tương đương 266 triệu đồng

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua tổng mức thù lao cho HĐQT, BKS Công ty là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng)

- **Tổng mức thù lao và khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2018:**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua mức chi phí thù lao năm 2018 đối với Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS). Cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên HĐQT : 2.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng BKS: 2.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên BKS: 1.000.000 đồng/người/tháng

Trường hợp Công ty thực hiện vượt kế hoạch lợi nhuận, thành viên HĐQT và BKS được khen thưởng về những thành tích và đóng góp của mình cho sự phát triển của Công ty. Mức khen thưởng là 10% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch, mức chi tiết cho từng thành viên sẽ do Chủ tịch HĐQT quyết định.

2.7. Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2018

Ông/Bà….trình bày Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2017 *(Tờ trình đính kèm)* như sau:

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua về việc *"**Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2018 để kiểm toán cho Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh năm tài chính 2018**"*.

2.8. Tờ trình vệ việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành

Bà **Nguyễn Anh Phượng** trình bày Tờ trình về việc HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám Đốc điều hành *(Tờ trình đính kèm)*.

2.9. Tờ trình về việc thay đổi tên của Công ty

Ông/Bà… trình bày ***Tờ trình về việc thay đổi tên Công ty*** *(Tờ trình đính kèm),* nội dung như sau:

Đổi tên Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh thành tên mới như sau:

- Tên Công ty bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi: Công Ty Cổ Phần Phân Bón Hóa Sinh.
- Tên Công ty bằng tiếng Anh dự kiến thay đổi: Hoa Sinh Fertilizer Joint Stock Company.
- Tên Công ty viết tắt: HSJSC.

Về thời điểm quyết định thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi tên Công ty: Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông chấp thuận giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành Quyết định thay đổi vào thời điểm phù hợp nhưng không muộn hơn 12 tháng, kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết này.

Đại hội đồng cổ đông đồng ý sửa đổi điều lệ Công ty và giao cho người đại diện pháp luật tiến hành sửa đổi và cập nhật điều lệ Công ty để ghi nhận việc thay đổi tên Công ty. Sau khi đổi tên, Công ty sẽ hoạt động với tên mới là: Công Ty Cổ phần Phân Bón Hóa Sinh.

2.10. Tờ trình về việc cập nhật và sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động

Ông/Bà….trình bày ***Tờ trình cập nhật và sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động*** *(Tờ trình đính kèm).*

2.11. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Ông/Bà….trình bày ***Tờ trình cập nhật và sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động*** *(Tờ trình đính kèm).*

2.12. Cập nhật Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2018 Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hoá sinh (lần 2)

Ông/Bà**…**– Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự (lần 2) với tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự tính tới thời điểm ….giờ…phút là… cổ đông, tổng số cổ phần của cổ đông tham dự là …. cổ phần, chiếm …% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện …% vốn điều lệ.

2.13. Công bố kết quả biểu quyết:

Ông/Bà…– Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết:

- **Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2016:**
  - Tổng số phiếu hợp lệ: …. cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
    + Biểu quyết đồng ý: …cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội;
    + Biểu quyết không đồng ý: … cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội;
    + Biểu quyết không có ý kiến:… cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
  - Tổng số phiếu hợp lệ:… cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
- **Thông qua Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2016:**
  - Tổng số phiếu hợp lệ: … cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
    + Biểu quyết đồng ý: … cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội;
    + Biểu quyết không đồng ý: …cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội;

+ Biểu quyết không có ý kiến: …cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu hợp lệ: … cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

– **Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2016**:

- Tổng số phiếu hợp lệ: … cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

  + Biểu quyết đồng ý:… cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội;

  + Biểu quyết không đồng ý: …cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội;

  + Biểu quyết không có ý kiến:...cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu hợp lệ: … cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

– **Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016 và định hướng sản xuất kinh doanh năm 2017.**

- Tổng số phiếu hợp lệ: … cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

  + Biểu quyết đồng ý: … cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội;

  + Biểu quyết không đồng ý: … cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội;

  + Biểu quyết không có ý kiến: …cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu hợp lệ: … cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

– **Thông qua Tờ trình về chế độ thù lao của HĐQT và BKS**.

- Tổng số phiếu hợp lệ: … cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

  + Biểu quyết đồng ý: … cổ phần, tương đương tỷ lệ ..% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội;

  + Biểu quyết không đồng ý:…cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội;

  + Biểu quyết không có ý kiến:…cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu hợp lệ: …cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

– **Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2018.**

- Tổng số phiếu hợp lệ: …cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
  + Biểu quyết đồng ý: …cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội;
  + Biểu quyết không đồng ý: …cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội;
  + Biểu quyết không có ý kiến: …cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
- Tổng số phiếu hợp lệ: … cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

– **Thông qua Tờ trình về việc Đổi tên Công ty.**
- Tổng số phiếu hợp lệ: … cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
  + Biểu quyết đồng ý: …cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội;
  + Biểu quyết không đồng ý:… cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội;
  + Biểu quyết không có ý kiến: …cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
  + Tổng số phiếu hợp lệ: …cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội/

– **Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.**
  + Tổng số phiếu hợp lệ: … cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
  + Biểu quyết đồng ý: …cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội;
  + Biểu quyết không đồng ý:… cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội;
  + Biểu quyết không có ý kiến: …cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
  + Tổng số phiếu hợp lệ: …cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội

– **Thông qua Tờ trình Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.**
- Tổng số phiếu hợp lệ: … cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
  + Biểu quyết đồng ý: …cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội;
  + Biểu quyết không đồng ý:… cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội;

+ Biểu quyết không có ý kiến: …cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu hợp lệ: …cổ phần, tương đương tỷ lệ …% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

2.14. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Ông/Bà…trình bày dự thảo Nghị quyết và Ông/Bà **….** dự thảo Biên bản Đại hội.

Ông/Bà…điều khiển Đại hội thông qua Nghị quyết và Biên bản Đại hội.

Với …% số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua nội dung Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc lúc …giờ…phút cùng ngày.

TM. Thư ký đoàn	**TM. Chủ tọa đoàn**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
---o0o---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
---o0o---

Tp. Hồ Chí Minh, ngày …tháng 04 năm 2018

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;*
- *Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh;*
- *Nội dung và kết quả cuộc họp thường niên 2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh.*

Phiên họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh tổ chức tại Văn phòng Công ty, Ấp 5, xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh. Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua Nghị quyết với những nội dung như sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2017.

Điều 2. Thông qua Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2017.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017.

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017, với một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 như sau:

- Sản lượng tiêu thụ: 27.000 tấn
- Doanh thu: 250 tỷ
- Lợi nhuận: 05 tỷ
- Thu nhập bình quân của người lao động: 5.500.000 đồng

Điều 5. Thông qua mức khen thưởng 10% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch năm 2016, số tiền 266.000.000 đồng. Thông qua tổng mức thù lao cho HĐQT, BKS Công ty năm 2017 là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng)

Tổng mức thù lao và khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2018

- Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/người/tháng

- Thành viên HĐQT : 2.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng BKS: 2.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên BKS: 1.000.000 đồng/người/tháng

Mức khen thưởng là 10% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch, chi tiết cho từng thành viên sẽ do chủ tịch HĐQT quyết định.

Điều 6. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2018 để kiểm toán cho Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh năm tài chính 2018.

Điều 7. Thông qua tờ trình về việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành

Điều 8. Thông qua tờ trình về việc đổi tên Công ty

Điều 9. Thông qua tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

Điều 10. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Điều 11. Giao Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh tổ chức triển khai các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết này và tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết này.

Điều 12. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh biểu quyết thông qua ngày… tháng … năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:
- *Cổ đông công ty;*
- *HĐQT, BKS, Ban TGĐ;*
- *Lưu hồ sơ Đại hội*